



CHUYÊN NGHIỆP & HIỆU QUẢ

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Tên Công ty:

- o Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG
- o Tên tiếng Anh: TAN DAI HUNG PLASTIC JOINT STOCK COMPANY
- o Tên giao dịch: TAN DAI HUNG PLASTIC JOINT STOCK COMPANY
- o Tên viết tắt: TAN DAI HUNG PLASTIC J.S. CO.,

Trụ sở Công ty:

- o Địa chỉ: 414 Lầu 5, Lũy Bán Bích, P.Hòa Thạnh, Q.Tân Phú, TPHCM.
- o Điện thoại: (08) 3 9737 277 – 39 737 278
- o Fax: (08) 3 9737 276 – 39 737 279
- o Website: <http://www.tandaihungplastic.com>
- o Email: daihungplastic@hcm.vnn.vn

CÁC HỆ THỐNG QUẢN TRỊ ĐANG ÁP DỤNG: ISO 9001:2008; MSDS; BSCI (SA 8000)
QUI MÔ VÀ NĂNG LỰC SẢN XUẤT LỚN, QUẢN LÝ CHUYÊN NGHIỆP
ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG & GIAO HÀNG ĐÚNG HẸN & GIÁ CẢ CẠNH TRANH
& THANH TOÁN THEO THOA THUẬN VỚI KHÁCH HÀNG.



Bao Lưới



Bao PP trắng & In



Bao Túi thu DHL



Bao shopping
(Tiêu chuẩn Mỹ và Châu Âu)



Các Loại Bao Jumbo- Big bags
(Tiêu chuẩn Châu Âu)



Cuộn Vải Grey-Textiles
(Tiêu chuẩn Mỹ và Canada)



Cuộn vải Ground-covers/Silt-Fences
(Tiêu chuẩn Mỹ)

BÁO CÁO Thường Niên

2015

MỤC LỤC

Stt	Tiêu đề	Trang
Phần I	TÓM LƯỢC VỀ CÔNG TY- MỤC TIÊU VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN	3
	I NHỮNG SỰ KIỆN QUAN TRỌNG	3
	1) <i>Quá trình thành lập</i>	3
	2) <i>Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần và tăng vốn điều lệ</i>	3
	3) <i>Niên yết</i>	3
	4) <i>Các sự kiện khác</i>	3
	II QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN	4
	1) <i>Ngành nghề kinh doanh</i>	4
	2) <i>Sứ Mệnh Công ty Cổ Phần Nhựa Tân Đại Hưng</i>	4
	3) <i>Mục tiêu Trung và Dài hạn</i>	4
	4) <i>Kết quả hoạt động năm 2015</i>	5
	5) <i>Định hướng phát triển năm 2016</i>	7
Phần II	BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	10
	I NHỮNG NÉT NỔI BẬT CỦA KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2015	10
	II QUẢN TRỊ RỦI RO	10
	III TRIỂN VỌNG VÀ KẾ HOẠCH TRONG TƯƠNG LAI	10
Phần III	BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	11
	I BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	11
	II KẾT QUẢ ĐIỀU HÀNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2015	12
	III NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC	20
Phần IV	BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2015	21
	I BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	21
	II BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	23
	III BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	24
Phần V	BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN 2015	25
	I KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP, CHỨNG THỦ (báo cáo) KIỂM TOÁN	25
	II KIỂM TOÁN NỘI BỘ, BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2015	26
Phần VI	CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN	29
Phần VII	TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	30
	I CƠ CẤU TỔ CHỨC	30
	II SỐ LƯỢNG CBNV VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG	30
	III TÓM TẮT LÝ LỊCH CỦA BAN GIÁM ĐỐC	31
	IV THAY ĐỔI NHÂN SỰ TRONG BAN GIÁM ĐỐC	32
	V SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA BAN GIÁM ĐỐC	32
Phần VIII	THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	32
	I THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT	32
	1) <i>Tóm tắt lý lịch cá nhân của HĐQT và BKS</i>	32
	2) <i>Những thay đổi nhân sự của HĐQT và BKS</i>	33
	3) <i>Thù lao của thành viên HĐQT và BKS</i>	33
	4) <i>Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ của thành viên HĐQT và BKS</i>	33
	II HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT	33
	1) <i>Tóm lược hoạt động của HĐQT trong năm 2015</i>	33
	2) <i>Kế hoạch để tăng cường hiệu quả quản trị trong thời gian tới</i>	33
	3) <i>Số lượng thành viên HĐQT, BKS, BGĐ đã có chứng chỉ về đào tạo quản trị công ty</i>	33
	III CÁC DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG	34
	1) <i>Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông</i>	34
	2) <i>Các cổ đông lớn của công ty</i>	34
	3) <i>Tình hình giao dịch liên quan của các cổ đông lớn</i>	35
Phần IX	THÔNG TIN KHÁC	35
	I NHỮNG HOẠT ĐỘNG TỪ THIỆN	35
	II NHỮNG HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	35

Phần I. TÓM LƯỢC VỀ CÔNG TY - MỤC TIÊU VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

I. NHỮNG SỰ KIỆN QUAN TRỌNG :

1) QUÁ TRÌNH THÀNH LẬP:

1984	1994	1997	2002	2006	2010
Thành lập công ty SXTM Nhựa Tân Đại Hưng, chuyên sản xuất bao bì PP tái sinh cung cấp cho các nhà máy hóa chất, phân bón	Trở thành nhà cung cấp bao bì PP lớn nhất cho các công ty xuất nhập khẩu gạo, các công ty nhập và đóng gói bao phân bón tại Cảng Sài Gòn	Tiếp cận thương mại quốc tế và xuất khẩu sang thị trường Châu Âu	Chuyển thành Công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng, vốn điều lệ 20.000.000.000 đồng	Khánh thành nhà máy tại Cụm Công nghiệp Nhựa Đức Hòa, Long An Tăng cường xuất khẩu bao bì PP, vải địa kỹ thuật, vải phủ nông nghiệp vào thị trường Mỹ, Canada	Tăng vốn điều lệ thành 244.305.960.000 đồng

2) CHUYỂN ĐỔI SỞ HỮU THÀNH CÔNG TY CỔ PHẦN VÀ TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ:

- Năm 2002: chuyển thành Công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng, vốn điều lệ 20.000.000.000 đồng.
- Năm 2003: tăng vốn điều lệ lên 28.600.000.000 đồng.
- Năm 2006: tăng vốn điều lệ lên 45.000.000.000 đồng.
- Năm 2007: tăng vốn điều lệ lên 104.000.000.000 đồng.
- Năm 2008: tăng vốn điều lệ thành 205.460.000.000 đồng.
- Năm 2010: tăng vốn điều lệ thành 244.305.960.000 đồng.

3) NIÊM YẾT:

- Từ ngày 28/11/2007: công ty cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng chính thức giao dịch 10,400,000 cổ phiếu tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán TPHCM, theo quyết định số: 149/QĐ-SGDCK ngày 20/11/2007.
- Từ ngày 30/09/2008: niêm yết bổ sung 10,146,000 cổ phiếu theo quyết định số 107/QĐ-SGDHCM ngày 30/09/2008.
- Từ ngày 20/08/2010: niêm yết bổ sung 3.884.596 cổ phiếu thường theo quyết định số 167/QĐ-SGDHCM của Sở giao dịch Chứng khoán TP.Hồ chí Minh ngày 11/08/2010.
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông.
- Mã chứng khoán: TPC.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 24,430,596 cổ phiếu
 - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 21,268,956 cổ phiếu
 - Số lượng cổ phiếu quỹ: 3.161.640 cổ phiếu

4) CÁC SỰ KIỆN KHÁC:

- Từ năm 2003: áp dụng hệ thống ISO 9001:2000, nâng cấp thành ISO 9001:2008 trong năm 2009.
- Ngày 27/2/2007: được tổ chức TZU của Châu Âu đánh giá cấp “Chứng nhận đạt các yêu cầu về kiểm soát sản xuất tại nhà máy”.
- Từ năm 2007: đầu tư dài hạn vào một số dự án để tăng hiệu quả sử dụng nguồn vốn:

- Tháng 5/2009: được khách hàng tổ chức đánh giá công nhận đạt các tiêu chuẩn bộ luật ứng xử “BSCI” và đạt yêu cầu hệ thống quản lý vật liệu an toàn “MSDS”.
- Từ Năm 2003 đã được Bộ Công Thương (trước đây là Bộ Thương Mại) xét tặng danh hiệu “Doanh Nghiệp Xuất Khẩu Uy Tín”.

II. QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN:

1. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH:

- Sản xuất, mua bán bao bì nhựa PP, PE, PET.
- Sản xuất, chế biến sản phẩm cao su.
- Mua bán sản phẩm nhựa, nguyên liệu nhựa, bột màu, máy móc thiết bị và phụ tùng ngành công nông lâm ngư nghiệp.

Từ năm 2010 đến nay công ty đã xây dựng thành công mạng lưới gia công nhiều công đoạn sản xuất tại khu vực ven TPHCM và một số tỉnh thuộc đồng bằng sông Cửu long, nhằm đáp ứng linh hoạt nhu cầu khách hàng và thị trường (*đặc biệt về xuất khẩu*), và góp phần giải quyết việc làm thường xuyên và thu nhập ổn định cho hơn 500 lao động tại các vệ tinh.

2. SỨ MẠNG CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG:

“Trở Thành Một Trong Những Công Ty Thành Công Hàng Đầu Trong Ngành Bao Bì PP Và PE Tại Việt Nam Và Châu Á “.

Thông qua:

- ❖ Hình ảnh công ty và thương hiệu sản phẩm: **“Danh tiếng và Tin cậy”.**
- ❖ Nguồn nhân lực: **“Chuyên Nghiệp”.**
- ❖ Sản phẩm của công ty là: **“Chất lượng, Lợi ích cho Khách hàng”.**
- ❖ Giao nhận và Phân phối: **“Kịp thời, Hiệu quả”.**
- ❖ Giá cả **“Cạnh tranh”** và phương thức thanh toán **“Theo thỏa thuận”.**

Tôn chỉ hành động của CBNV và Công Nhân Công Ty Cổ Phần Nhựa Tân Đại Hưng:

“Suy nghĩ và hành động hiệu quả để đạt được sự hài lòng cao nhất của khách hàng”

3. CÁC CHIẾN LƯỢC TRUNG VÀ DÀI HẠN:

Thực hiện sứ mạng và tôn chỉ hành động, công ty kiên định và nhất quán thực hiện các sách lược cạnh tranh và phát triển trong quá trình hoạt động:

- Phát huy các thế mạnh và sở trường, chủ động hội nhập vào các khu vực thị trường Đông Nam Á, Châu Âu và các nước khác trong hiệp định thương mại TPP.
- Tiếp cận nhanh và sát đúng để kịp thời thay đổi, đáp ứng nhu cầu và thị hiếu khách hàng, giữ vững thị phần (*đặc biệt là xuất khẩu*) trong mọi tình huống.
- Thường xuyên nghiên cứu áp dụng công nghệ mới và phát triển sản phẩm mới.
- Liên tục đổi mới trang thiết bị ngày càng tiên tiến hơn để không ngừng tăng năng suất, tiết kiệm năng lượng và nguyên liệu, tăng tính cạnh tranh của công ty
- Thực hiện mọi biện pháp đảm bảo chất lượng, duy trì thương hiệu chất lượng hàng đầu.
- Xây dựng cơ cấu tổ chức phù hợp linh hoạt với qui mô hoạt động từng giai đoạn.
- Không ngừng nâng cao năng lực của bộ máy quản lý điều hành và chuyên môn. Có kế hoạch phát triển nhân sự lâu dài, theo hai hướng: nâng cao năng lực nhân sự nòng cốt và đào tạo đội ngũ kế thừa
- Kiểm soát nội bộ tốt, chú trọng quản trị phòng tránh rủi ro. Phân tích các chi phí nhằm đề ra các biện pháp tiết giảm, loại bỏ các khoản chi không hợp lý.
- Biết đúc kết và vận dụng kịp thời các kinh nghiệm, cải tiến liên tục trong các hoạt động.

4. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2015:

A. ĐẶC ĐIỂM MÔI TRƯỜNG KINH DOANH 2015:

Kinh tế Thế giới:

- Kinh tế Mỹ phục hồi dù tăng trưởng chưa ổn định, nền kinh tế khu vực sử dụng đồng tiền chung châu Âu (*Eurozone*) tiếp tục chật vật hơn với những bất cập do phải đối phó với dịch “tị nạn” từ Syrie, Kinh tế Trung Quốc tiếp tục giảm tốc, trong khi kinh tế Nhật đang dần thoát khỏi suy thoái thì Brazil, đặc biệt là Nga và lại bắt đầu suy thoái trầm trọng, các nền kinh tế mới nổi có sự phân hóa về tăng trưởng.
- Giá dầu xuống dốc nhanh. Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (*FED*) tăng lãi suất dù chậm hơn so với dự báo, đồng USD tăng giá mạnh, đồng Yuan phá giá mạnh kéo theo hệ lụy của hệ thống tỷ giá và TTCK toàn cầu. Giá hàng hóa cơ bản giảm, xuất hiện các dấu hiệu giảm phát và giảm đầu tư, thoái vốn đầu tư tại các thị trường mới nổi.

Kinh tế trong nước:

- So với 2014, kinh tế “vĩ mô” ổn định hơn rất nhiều, GDP ước tính tăng 6,68%, GDP bình quân đầu người năm 2015 ước tính đạt 45,7 triệu đồng (*tương đương 2109 USD, tăng 57 USD*), chỉ số lạm phát chỉ ở mức 0,6% (*thấp nhất kể từ năm 2001 cho tới nay*), được đánh giá là dấu hiệu tích cực cho nền kinh tế khi tiêu dùng gia tăng (*mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng - đã loại trừ yếu tố giá- tăng khoảng 10,6-10,8%, là mức cao nhất trong 5 năm qua*) trong khi giá hàng hóa thế giới giảm mạnh.
- Tỷ giá VNĐ/USD được điều chỉnh 3%. Xuất khẩu vẫn được duy trì dù gặp nhiều khó khăn trong ngành lĩnh vực dầu khí và nông nghiệp.
- Tình hình trên cho thấy nền kinh tế của Việt Nam đã có những sự phục hồi rõ nét. Cơ cấu nền kinh tế tiếp tục có sự chuyển dịch tích cực dù nợ nước ngoài và nợ xấu vẫn chưa được cải thiện.
- Ký kết tham gia nhiều hiệp định quan trọng: AFC, TPP,... (*sẽ tạo ra thách thức lớn đối với Việt Nam do Việt Nam lựa chọn con đường cải cách từ từ và bởi một số yếu tố lịch sử để lại như khu vực doanh nghiệp nhà nước lớn, thể chế thị trường không hoàn chỉnh...*).

B. TÁC ĐỘNG TRỰC TIẾP CỦA MÔI TRƯỜNG KINH DOANH ĐẾN CÔNG TY:

- 1) Đồng biến với giá dầu, giá các nguyên vật liệu chủ yếu của sản xuất bao bì giảm liên tục, ảnh hưởng lớn và trực tiếp đến giá trị tồn kho và giá bán (*doanh thu*).

Bảng so sánh giá nguyên liệu PP:

Tháng	Giá PP bình quân (usd/tấn)						So sánh 2015/2014	
	Năm 2015			Năm 2014			BQ Quý	BQ Năm
	BQ Tháng	BQ Quý	BQ Năm	BQ Tháng	BQ Quý	BQ Năm		
1	1,093	1,125	1,142	1,565	1,552	1,529	-27.48%	-25%
2	1,037			1,557				
3	1,246	1,533						
4	1,314	1,577						
5	1,389	1,579		1,583				
6	1,301	1,592						
7	1,238	1,612		1,585				
8	1,132	1,584						
9	1,033	1,558						
10	1,024	1,522		1,397				
11	999	1,443						
12	893	972		1,226	-30.42%			



- 2) Trong nền kinh tế “mở” rất nhanh, các doanh nghiệp Việt Nam trong đó có Công ty Tân Đại Hưng chịu áp lực cạnh tranh ngày càng tăng, không chỉ trong lĩnh vực xuất khẩu mà ngay tại thị trường trong nước. Các doanh nghiệp cạnh tranh quyết liệt về giá bán, chất lượng và chính sách thanh toán để giữ thị phần.
- 3) Thị trường xuất khẩu của Tân Đại Hưng gặp nhiều khó khăn, một số khách hàng suy thoái.
- 4) Tuyển dụng lao động sản xuất gặp nhiều khó khăn do sự chuyển dịch mạnh lao động giữa các ngành và doanh nghiệp trong khu vực, có những thời điểm không thể nhận thêm đơn đặt hàng.

C. NHỮNG BIỆN PHÁP CHỦ YẾU TRONG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2015:

Trong biến động và khó khăn của môi trường kinh doanh, Công ty đã:

- 1) Tận dụng vị thế thương hiệu uy tín và thị trường xuất khẩu lớn, linh hoạt điều chỉnh kế hoạch, cơ cấu sản phẩm theo nhu cầu khách hàng, tăng cường tiếp thị nội địa và khách hàng tiềm năng.
- 2) Từ đó cân đối đủ đơn hàng để ổn định sản xuất, tăng sản lượng và doanh thu trong điều kiện giảm giá bán để đạt mục tiêu lợi nhuận theo chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.
- 3) Theo dõi tỷ giá, giá nguyên phụ liệu, kiểm soát chặt chẽ mua hàng để phòng tránh những hậu quả nghiêm trọng.
- 4) Tăng cường quản lý để phòng ngừa những mặt trái của chính sách thanh toán cạnh tranh.
- 5) Thực hiện những biện pháp để tăng năng suất lao động nội bộ và khai thác năng lực gia công, đảm bảo chất lượng và thời hạn giao hàng trong tình hình thiếu lao động tại một số công đoạn.

D. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2015:

STT	Chỉ tiêu chủ yếu	Kế hoạch 2015	Thực hiện	% Đạt
01	Sản lượng bao bì	10,000 tấn	11,282 tấn	112,82%
02	Doanh thu	480 tỷ đồng	578.8 tỷ đồng	120,59%
03	Lợi nhuận sau thuế	10 tỷ đồng	10.500 tỷ đồng	105,8%

- Kết quả đạt được nêu trên tuy chưa thật sự xuất sắc, nhưng là thành tựu và sự thừa nhận nỗ lực lớn lao của đội ngũ cán bộ công nhân viên công ty trong suốt quá trình hoạt động năm 2015.
- Cùng với việc gia tăng sản lượng tiêu thụ nội địa, Công ty vẫn thực hiện hiệu quả định hướng xuất khẩu (đạt tỷ trọng doanh thu gần 75%) dù thị trường xuất khẩu đã và đang có nhiều biến động.

5. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂM 2016:

A. DỰ BÁO NGẮN HẠN VỀ MÔI TRƯỜNG KINH DOANH:

Kinh tế thế giới:

- Kinh tế Mỹ tiếp tục chuyển biến với vai trò đầu tàu của kinh tế thế giới (dù sẽ có Tổng thống mới), khối Euro chậm tăng trưởng vì tiếp tục đương đầu với vấn đề nội bộ trong khối và làn sóng di cư & tệ nạn khủng bố. Kinh tế Trung quốc và Nhật sẽ phục hồi dần.
- Dù xu hướng hợp tác mở rộng nhưng lợi ích và cạnh tranh quốc gia được đề cao hàng đầu.
- Giá dầu và hạt nhựa toàn cầu sẽ tiếp tục giảm trong đầu năm 2015, rồi sẽ tăng dần.

Kinh tế nội địa:

- Chính sách kinh tế vĩ mô không thay đổi dù chuyển giao quyền lực cho bộ máy chính phủ mới, biến đổi khí hậu sẽ ảnh hưởng xấu đến tăng trưởng kinh tế và an sinh xã hội.
- Các doanh nghiệp tập trung vào những sản phẩm có giá trị gia tăng cao, hiện đại hóa dây chuyền công nghệ, chú trọng vào những sản phẩm thân thiện với môi trường, an toàn với sức khỏe tiêu dùng, đạt tiêu chuẩn quốc tế để xuất khẩu.
- Giá điện và xăng dầu tăng, tăng chi phí bảo hiểm xã hội... phải đóng cho người lao động khiến chi phí sản xuất tại Việt Nam tăng cao, gián tiếp ảnh hưởng đến sức cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam ngay trong thị trường nội địa.
- Hiệu quả SXKD ngành bao bì thấp dần, các doanh nghiệp cạnh tranh kém sẽ tiếp tục bị đào thải, đặc biệt sau khi các hiệp định thương mại đã ký với khối ASEAN, EU và TPP trở nên hiện thực.

B. CÁC MỤC TIÊU/CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU NĂM 2016:

STT	Chỉ tiêu cơ bản	Năm 2016
01	Sản lượng bao bì	11,000 tấn
02	Doanh thu	474 tỷ đồng
03	Lợi nhuận sau thuế	14,9 tỷ đồng
04	Cổ tức	7%

Định hướng tổng thể:

- Tăng cường năng lực quản trị công ty và không ngừng cải tiến hoạt động điều hành theo hướng gia tăng kết quả và hiệu quả.
- Cải tiến hoạt động quảng bá tiếp thị, nắm và hoạch định sát đúng nhu cầu khách hàng.
- Đáp ứng được cạnh tranh về giá bán, cơ cấu sản phẩm linh hoạt theo đơn hàng, duy trì thương hiệu hàng đầu về chất lượng bao bì.
- Kiểm soát mua hàng, giảm bớt tồn kho, kiểm soát chặt chẽ thu chi thanh toán và công nợ. Tái cấu trúc các khoản nợ, giảm dần các khoản vay ngoại tệ và chi phí tài chính, thanh lý hết các khoản đầu tư chứng khoán.
- Duy trì qui mô sản xuất, tiết giảm bớt bộ máy và chi phí gián tiếp, đầu tư đổi mới MMTB, thúc đẩy năng suất lao động, giảm phế liệu phế phẩm.

C. KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG 2016:

a) Hoạt động kinh doanh & cung ứng /gia công:

- Đẩy mạnh hoạt động tiếp thị tìm kiếm thêm khách hàng mới & tiềm năng. Trong đó ưu tiên xuất khẩu. Tăng thị phần những khách hàng cũ và những khách hàng thanh toán tốt & tiềm năng.
- Tăng cường hoạt động chăm sóc khách hàng, chú trọng thu thập và phân tích thông tin về xu hướng thị trường và đối thủ cạnh tranh để có các chính sách thị trường phù hợp và hiệu quả, phản ánh kịp thời các mong muốn và yêu cầu của khách hàng về thiết kế và chất lượng sản phẩm để cải tiến và đáp ứng.
- Linh hoạt đàm phán về giá (chính sách giá hợp lý để ưu tiên nhận đơn hàng có số lượng lớn).

- Phối hợp TCKT thường xuyên theo dõi tình hình công nợ bán hàng => Thông qua đó xác định chiến lược bán hàng đối với từng khách hàng.
- Phối hợp KHDD tổ chức cung ứng nguyên liệu VTKT và gia công bán thành phẩm đạt các yêu cầu sản lượng, chất lượng, chi phí và tiến độ hoạch định.

b) Hoạt động Kỹ thuật Công nghệ và Đảm bảo Chất lượng sản phẩm:

Công nghệ:

- Thay đổi và giám sát công thức phối trộn và nguyên liệu đầu vào tại PX kéo sợi phù hợp giá thành, chất lượng theo từng nhóm sản phẩm. Tính toán và đề xuất giải pháp đáp ứng nhu cầu thị trường cho kéo sợi. Tận dụng các nguyên liệu, phụ gia tồn kho và đảm bảo sử dụng đúng mã số, cấp chất lượng
- Đánh giá lại hoạt động sử dụng máy dệt nhằm tăng năng suất, khắc phục lỗi nhân vải.
- Đánh giá lại công nghệ máy tráng nhằm giảm giá thành SX. Tìm hiểu công nghệ tráng trong
- Cải tiến quy trình SX phân xưởng in.

Quản lý chất lượng:

- Đào tạo QA về nhận thức chất lượng “first in time”, tư duy phòng ngừa là chính.
- Tăng cường các hoạt động giám sát, kiểm tra việc tuân thủ quy định, quy trình đảm bảo chất lượng nội bộ và bên ngoài. Giám sát, kiểm tra, đánh giá hiệu quả của hành động khắc phục phòng ngừa tại các bộ phận và cơ sở gia công. Tuân thủ phương pháp lấy mẫu kiểm tra nhằm hạn chế tối đa mặt trái của phương pháp kiểm tra xác suất
- Dự báo, cảnh báo lỗi chất lượng tiềm ẩn, tham mưu các giải pháp khắc phục phòng ngừa hiệu quả.

Cơ điện:

- Hỗ trợ cải tiến quy trình sản xuất khâu in.
- Cải tiến tăng năng suất máy cắt may tự động, cải tiến hệ thống làm lạnh tại máy tráng bao gồm bổ sung các lô lạnh phía trước dàn cuốn vải và T⁰ nước Lắp đặt hệ thống châm nhớt máy dệt tự động.
- Lắp đặt loadcell cuộn vải xả và trước cuộn thu vải với các máy PX tráng.
- Chế tạo bổ sung máy xếp, vận hông mới. Chế tạo máy may viền miệng tự động bao shopping.

c) Hoạt động sản xuất:

- Tăng cường việc giám sát giờ giấc làm việc & bàn ca sản xuất ở các công đoạn sản xuất
- Điều phối tốt lao động để đảm bảo sản lượng, tiến độ giao hàng.
- Chủ động trong việc kiểm tra chất lượng sản phẩm, xử lý kịp thời các sự cố chất lượng nhằm hạn chế tối đa thời gian dừng máy
- Phối hợp với phòng cơ điện để cải tiến quy trình sản xuất, cải tiến máy móc thiết bị để tăng năng suất /sản lượng.
- Tiếp tục quy hoạch & sắp xếp lại mặt bằng sản xuất hợp lý & mỹ quan.
- Duy trì & thực hiện việc thực hiện ATLĐ & VSCN
- Kiểm soát việc sử dụng nguyên vật liệu đúng thông số kỹ thuật và khối lượng.
- Giảm tỷ lệ phế liệu đạt mục tiêu dưới 5,5%.

d) Hoạt động HCNS:

- Tuyển dụng:** trọng tâm của công tác tuyển dụng năm 2016 phải đạt 3 yêu cầu: (1) Giảm tỷ lệ nghỉ việc, (2) Tạo sẵn nguồn để bổ sung kịp thời định biên theo kế hoạch, (3) Thay thế các vị trí không đạt yêu cầu công việc.
- Đào tạo:** Triển khai đầy đủ các chương trình đào tạo định kỳ hàng năm. Chú trọng đào tạo nâng cao tay nghề của công nhân yếu kém và sàng lọc những lao động không đạt yêu cầu. Tìm nơi phù hợp để đào tạo nâng cao nghiệp vụ chuyên môn và năng lực quản trị các cấp.

- **An toàn lao động và Vệ sinh công nghiệp:**
 - Giám sát chặt chẽ công tác đảm bảo An toàn lao động: (1) Rà soát các điểm có rủi ro xảy ra TNLD, (2) Thực hiện các biện pháp cải tiến máy móc để giảm nguy cơ TNLD, (3) Thường xuyên nhắc nhở CB-CNV luôn đề cao cảnh giác để đảm bảo An toàn lao động. Trong đó, trọng tâm là cải tiến MMTB để ngăn ngừa TNLD.
 - Hỗ trợ các PX trong việc tổ chức sàng lọc, sắp xếp mặt bằng tại phân xưởng. Duy trì công tác kiểm tra An toàn -VSCN định kỳ vào thứ hai hàng tuần. Đề cao vai trò của quản lý trực tiếp (Tổ trưởng, QLPX) trong công tác đảm bảo ATLD-VSCN..
 - **An ninh trật tự:**
 - Duy trì hệ thống giám sát an ninh tại nhà máy.
 - Tiếp tục nâng cấp đội ngũ bảo vệ, duy trì nghiêm công tác tuần tra, kiểm soát của tổ bảo vệ đảm bảo không xảy ra mất cắp, mất An ninh trật tự tại công ty.
 - **Cấu trúc công ty, Cơ cấu nhân sự, Quy trình và chính sách:**
 - Kiểm soát định biên lao động tại các khâu Cắt, May, LDPT, Đóng kiện.... để đảm bảo bộ máy gọn & không tăng nhân sự nhưng vẫn đạt mục tiêu sản lượng.
 - Phối hợp với bộ phận Kỹ thuật và Sản xuất thực hiện đồng thời các giải pháp: (1) kiểm soát giờ giấc làm việc, (2) cải tiến MMTB, tăng cường công tác bảo trì để giảm tần suất sự cố và thời sửa chữa, (3) sắp xếp phân bổ máy hợp lý.... nhằm tăng năng suất lao động.
 - Sắp xếp nhân sự ở một số bộ phận gián tiếp nhằm hợp lý và tinh gọn bộ máy.
- e) **Về tài chính kế toán:**
- Tiếp tục cải tiến quy trình làm việc.
 - Phối hợp với các phòng ban trong Cty để quản lý chi phí chặt chẽ, phát hiện các khoản chi phí không phù hợp và lãng phí nhằm góp phần tăng lợi nhuận cho Cty.
 - Chủ động phát huy vai trò trung tâm trong hệ thống kiểm soát nội bộ, phát huy khả năng tham mưu của kế toán quản trị đối với bộ máy điều hành, hạn chế tối đa những sai sót số liệu và thời hạn báo cáo

D. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VỐN 2016:

Kế hoạch sử dụng vốn năm 2016 (Đvt: VND)	
<i>Sử dụng hoạt động SXKD</i>	200,000,000,000
<i>Sử dụng đầu tư ngắn hạn</i>	60,000,000,000
<i>Sử dụng đầu tư dài hạn</i>	14,700,000,000
<i>Sử dụng đầu tư BĐS dài hạn</i>	100,000,000,000
<i>Trả cổ tức cổ đông</i>	11,738,274,000
Cộng	386,438,274,000

Trong đó:

Đơn vị đầu tư	Nội dung đầu tư	Giá trị
<i>Ngân hàng EXIMBank</i>	Cổ phiếu	3,700,000,000
<i>Cty CP Đầu tư Xây dựng Tân Đô</i>	Kinh doanh khu CN & Nhà ở	1,000,000,000
<i>Cty CP Đầu tư và DV Hạ tầng Á Châu</i>	Kinh doanh dịch vụ Cảng	10,000,000,000
<i>Đầu tư cải tiến dây chuyền sản xuất</i>		10,000,000,000

Phần II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.

I. NHỮNG NÉT NỔI BẬT CỦA KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2015:

- 1) Trong năm 2015, Hội đồng quản trị đã bám sát tình hình sản xuất kinh doanh, có những dự báo định hướng đúng, tập trung lãnh đạo và giám sát toàn diện tổ chức hoạt động của công ty, động viên và hỗ trợ tối đa cho bộ máy điều hành, cùng với việc phát huy được tinh thần chủ động, đoàn kết trách nhiệm của đội ngũ cán bộ công nhân nòng cốt, chăm sóc đời sống vật chất và tinh thần, là những nhân tố quyết định làm cho tổ chức công ty vẫn ổn định, phát triển.
- 2) HĐQT tuân thủ và thực hiện đầy đủ chính sách pháp luật nhà nước, điều lệ và các qui chế quản trị công ty cổ phần đại chúng nghiêm ngặt.
- 3) HĐQT đã có những quyết sách về: sử dụng ngoại tệ, thay đổi và đầu tư thêm một số MMTB sản xuất, cải tiến chế độ lương sản phẩm, tăng năng suất lao động, duy trì hệ thống gia công, định mức tồn kho nguyên liệu.
- 4) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 đạt những kết quả chủ yếu như sau:
 - Tổng sản lượng: 11.282 tấn, đạt 112.82% chỉ tiêu kế hoạch.
 - Tổng doanh thu: 578,8 tỷ, đạt 120.5% chỉ tiêu kế hoạch.
 - Tỷ trọng xuất khẩu đạt 75% (chỉ tiêu dự kiến là 65%).
 - Tổng lợi nhuận sau thuế 10,579 tỷ đồng, đạt 105,8% chỉ tiêu kế hoạch.
- 5) Uy tín thương hiệu, qui mô tổ chức, năng lực sản xuất được duy trì, tài sản và nguồn vốn của công ty được bảo đảm, tình hình tài chính luôn lành mạnh.

II. QUẢN TRỊ RỦI RO:

Trong năm 2015, công ty đã hết sức chú trọng thực hiện các biện pháp phòng chống rủi ro, không để xảy ra các ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động và hiệu quả của công ty, bao gồm:

- 1) Theo dõi tình hình kinh tế và các chính sách vĩ mô tại các khu vực của khách hàng xuất khẩu, liên hệ thông tin hai chiều thường xuyên với các khách hàng.
- 2) Kiểm soát chặt chẽ công nợ bán hàng, thường xuyên đánh giá khả năng thanh toán của các khách hàng qua việc đặt hàng và chi trả.
- 3) Thực hiện Bảo hiểm cho tất cả hàng hóa; kiểm soát quá trình xuất nhập giao hàng và vận chuyển.
- 4) Theo dõi biến động của giá nguyên liệu, xây dựng lại định mức tồn kho, đảm bảo được sự ổn định cho sản xuất và nguồn vốn được sử dụng hiệu quả.
- 5) Theo dõi chính sách kinh tế, tình hình tỷ giá tại Việt Nam để sử dụng nguồn USD có lợi nhất.
- 6) Điều phối lao động kịp thời qua các công đoạn để đảm bảo sản lượng và tiến độ sản xuất.

III. TRIỂN VỌNG VÀ KẾ HOẠCH TRONG TƯƠNG LAI:

- 1) Với những lợi thế về năng lực sản xuất và khả năng tài chính, kinh nghiệm thương trường, đang có một lượng khách hàng truyền thống & then chốt và khá ổn định, Thương hiệu của công ty được tin cậy cùng với cùng với khả năng cạnh tranh của công ty trên cả hai thị trường nội địa và xuất khẩu là những cơ sở và thời cơ để công ty Công ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng tiếp tục phát triển bền vững mặc dù thị trường đang có những biến động khó lường và cạnh tranh ngày càng khốc liệt.
- 2) HĐQT sẽ tập trung vào một số hoạt động có tính đột phá trong thời gian tới nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty như sau:
 - o Nghiên cứu áp dụng một số công nghệ để phát triển sản phẩm mới.
 - o Tiếp tục đầu tư đổi mới các loại máy móc thiết bị sản xuất mới để tiết kiệm lao động, nguyên liệu và năng lượng.
 - o Mở rộng quan hệ, tìm kiếm các cơ hội hợp tác liên kết trong ngành và chuỗi giá trị (trong và ngoài nước), đầu tư vào các dự án dài hạn khác để giá tăng vị thế công ty và hiệu quả sử dụng vốn.

Phần III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC.

I. BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH 2015.

1) Các Chỉ tiêu Tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	2015	2014
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
* Hệ số thanh toán ngắn hạn	0.56	0.58
* Hệ số thanh toán nhanh	0.81	0.91
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
* Hệ số nợ / tổng tài sản	0.43	0.53
* Hệ số nợ / Vốn chủ sở hữu	0.74	1.12
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
* Vòng quay hàng tồn kho	4.54	4.03
* Doanh thu thuần trên tổng tài sản	1.32	1.14
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
* Hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu	1.50%	1.58%
* Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	3.45%	3.83%
* Hệ số lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản	1.98%	1.80%
* Hệ số LN từ hoạt động kinh doanh / doanh thu thuần	1.32%	1.82%

2) Tóm tắt Giá trị số sách ngày 31/12/2015:

	Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN NGẮN HẠN	373.625.828,567	475.159.600,754
Tiền và các khoản tương đương tiền	82.364.036,940	77.305.028,820
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	66.127.777,778	102.200.000,000
Các khoản phải thu	92.812.180,929	106.414.337,738
Hàng tồn kho	117.276.375,172	172.609.246,882
Tài sản ngắn hạn khác	15.045.457,748	16.630.987,314
TÀI SẢN DÀI HẠN	161.103.845,248	174.937.166,023
Tài sản cố định	39.417.717,480	42.249.774,887
Bất động sản đầu tư	-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	14.728.085,352	19.920.640,549
Tài sản dài hạn khác	106.958.042,416	112.766.750,587
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	534.729.673,815	650.096.766,777
NỢ PHẢI TRẢ	228.180.035,747	343.492.334,703
Nợ ngắn hạn	208.761.670,307	276.667.241,883
Nợ dài hạn	19.418.365,440	66.825.092,820
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	306.549.638,068	306.604.432,073
Vốn chủ sở hữu	306.549.638,068	306.604.432,073
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	534.729.673,815	650.096.766,776

3) Tóm tắt các chỉ số:

Chỉ tiêu-chỉ số	2015	2014
Tổng Tài Sản		
Tài sản ngắn hạn/Tổng Tài Sản (%)	69.87%	73.09%
Tài sản Dài hạn/Tổng Tài Sản (%)	30.13%	26.91%
Nợ phải trả		
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn (%)	42.67%	52.84%
Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn (%)	57.33%	47.16%
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (%)	74.43%	112.03%
Tỷ số khả năng thanh toán		
Tỷ số khả năng thanh toán nhanh	0.81	0.91
Tỷ số khả năng thanh toán hiện hành	0.56	0.58
Tỷ Số Lợi nhuận		
Tỷ Số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (LN biên)	1.50%	1.58%
Tỷ Số Lợi nhuận/ tổng tài sản (ROA)	1.98%	1.80%
Tỷ Số Lợi nhuận/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	3.45%	3.83%
Tỷ Số Lợi nhuận/ Vốn Cổ phần	4.33%	4.80%

4) Những thay đổi so với dự kiến và nguyên nhân:

- Trong năm Công ty đã thanh lý giảm bớt 200.000 cổ phiếu EIB, sau khi hoàn nhập dự phòng lợi nhuận thu được 395.500.000 đồng.
- Cắt giảm nợ vay dài hạn từ 3.125.589 usd xuống còn 862.272 usd, để giảm áp lực biến động tỷ giá, đồng thời tiết kiệm chi phí lãi vay dài hạn từ 4,5% xuống còn nợ vay ngắn hạn 2,3%.
- Trong năm 2015, do nhà nước điều chỉnh tỷ giá 2 lần, biến động tăng 5%, sau khi trừ thu nhập usd từ nguồn xuất khẩu vẫn còn tăng chi phí tài chính chênh lệch tỷ giá 8 tỷ đồng, làm cho lợi nhuận doanh nghiệp giảm tương ứng.

II. KẾT QUẢ ĐIỀU HÀNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH:

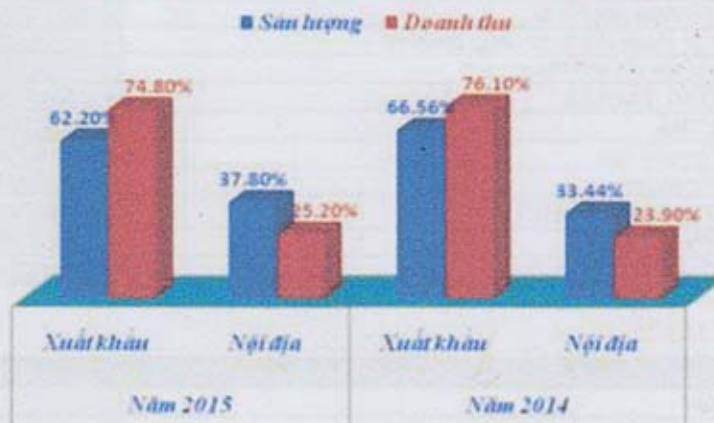
1) Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm 2015:

- Tổng sản lượng (XK+ND) năm 2015: đạt 11,282 tấn, tăng 3.3% so với năm 2014, trong đó:
 - Tổng Sản lượng XK năm 2015: 7,017 tấn, giảm 6,57% so với năm 2014
 - Tổng Sản lượng ND năm 2015: 4,265 tấn, tăng 16,58% so với năm 2014
- Tổng Doanh thu (XK+ND) năm 2015: đạt 578.8 tỷ, tăng 0.41% so với năm 2014, trong đó:
 - Tổng Doanh thu XK năm 2015: Đạt 433,117 tỷ, giảm 1,67% so với năm 2014
 - Tổng Doanh thu ND năm 2015: Đạt 145,699 tỷ, tăng 5,32% so với năm 2014

Tỷ trọng Xuất Khẩu / Nội Địa năm 2015

	2015		2014	
	Xuất khẩu	Nội địa	Xuất khẩu	Nội địa
Sản lượng	62.2%	37.8%	66.56%	33.44%
Doanh thu	74.8%	25.2%	76.10%	23.90%

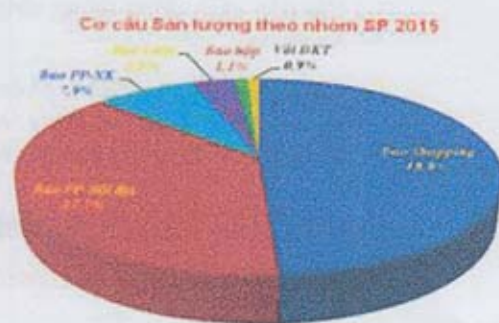
So sánh Tỷ trọng Sản lượng và doanh thu 2015/2014



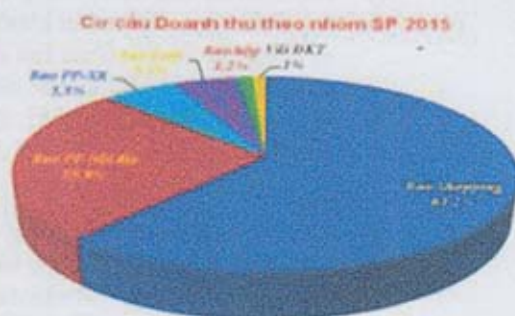
2) Hoạt động tiếp thị, bán hàng, cung ứng, giá công (vải, đai, in màng OPP):

- Dù đã dự báo và thường xuyên chủ động thông tin 2 chiều với khách hàng cũng như tiếp cận thêm một số khách hàng cũ và mới để tìm đủ đơn hàng, nhưng kết quả sản lượng và doanh thu năm 2015 phản ánh đúng tình hình khó khăn của một số khách hàng trong thị trường xuất khẩu, và hoạt động tiếp thị mở rộng thêm thị phần nội địa của công ty trong năm qua.
- Các sản phẩm chủ yếu của công ty vẫn đang trong giai đoạn duy trì của vòng đời sản phẩm, nhưng sản lượng của một số nhóm hàng thay đổi mạnh so với kế hoạch (bao shopping XK tăng, bao PP XK & bao hộp xuất khẩu & vải DKT xuất khẩu giảm) vì khách hàng chủ chốt gặp khó khăn, tác động lớn đến tổ chức lao động và qui trình sản xuất, giảm lợi nhuận công ty (việc tăng đơn hàng nội địa chỉ nhằm mục đích là chia sẻ định phí vì giá bán cạnh tranh rất thấp).

		Kết quả thực hiện Sản Lượng 2015	
	Nhóm hàng	Tỷ trọng/TSL	So với kế hoạch
1	Bao Shopping	48.9%	133.4%
2	Bao PP Nội địa	37.7%	148.4%
3	Bao PP-XK	7.9%	52.0%
4	Bao Lưới	3.5%	113.7%
6	Bao hộp	1.1%	21.4%
7	Vải ĐKT	0.9%	44.9%



		Kết quả thực hiện Doanh thu 2015	
	Nhóm hàng	Tỷ trọng/TDT	So với kế hoạch
1	Bao Shopping	61.2%	142.3%
2	Bao PP Nội địa	25.9%	134.8%
3	Bao PP-XK	5.5%	49.1%
4	Bao Lưới	5.1%	99.1%
6	Bao hộp	1.2%	25.3%
7	Vải ĐKT	1.0%	43.5%



- Hoạt động gia công dệt vải, dệt dai, In màng OPP đáp ứng được chi phí, khối lượng gia tăng hơn 120% so với 2014, đạt kỹ thuật, chất lượng, tiến độ theo từng đơn hàng, đặc biệt đối với nhóm hàng bao shopping.
- Hoạt động cung ứng nguyên phụ liệu và vật tư kỹ thuật nhìn chung là kịp thời, đảm bảo các yêu cầu về giá, chi phí mua hàng, các thông số kỹ thuật và định mức tồn kho; đặc biệt, công ty đã thay đổi cách đặt hàng và mức tồn kho nguyên liệu nhập khẩu trong tình hình giá PP liên tục rớt dần trong cả năm 2015, nhằm hạn chế thấp nhất ảnh hưởng đến giá thành và lợi nhuận.

Đánh giá chung: CBNV phòng kinh doanh đã thực hiện xuất sắc các nhiệm vụ và yêu cầu trong tiếp thị và bán hàng, gắn kết phối hợp hỗ trợ nhiều mặt đối với các bộ phận sản xuất.

3) Hoạt động công nghệ & đảm bảo chất lượng sản phẩm:

Công nghệ:

- Thay đổi công thức phối trộn theo hướng sử dụng PP chính phẩm .
- Duy trì giám sát hoạt động cung cấp nguyên liệu và quá trình phối trộn theo kế hoạch từng đơn hàng tại khâu kéo sợi; theo dõi và cân đối được NVL đầu vào và ra phân xưởng kéo sợi.
- Tổ chức lại hoạt động xay phế và giám sát quá trình sấy nóng, pha trộn phế xay.
- Tổ chức sản xuất taical trên máy mới, cải tiến chất lượng taical nhằm tăng lực kéo, độ trắng
- Kết hợp Phòng cơ điện và HCNS tăng định mức sản lượng và thay đổi định mức Tráng, cắt may tự động, ra định mức sản lượng máy dệt mới Lohia và Hengly.

Quản lý chất lượng:

- Đảm bảo kiểm soát hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008, tổ chức đánh giá nội bộ HTQLCL hiệu quả và đạt kết quả trong đánh giá định kỳ năm 2015
- Đảm bảo hoạt động hiệu quả của phòng Thí Nghiệm (Lab): bổ sung công việc đo sợi, cung cấp kết quả chính xác, kịp thời.
- Các thông số kỹ thuật và yêu cầu chất lượng sản phẩm được thông tin rộng rãi trước khi triển khai sản xuất.
- Lấy mẫu, kiểm tra, đối chiếu các tiêu chuẩn chất lượng đảm bảo tuân thủ qui định, qui trình.
- Bổ sung QA trong hai ca sản xuất khâu In. Phân công lại công việc QA phòng thí nghiệm.

- Cải tiến cách đóng thùng tăng số lượng chất cont KTV75, KTV154 (từ 147,000 tăng lên 173,000 bao/cont).

Đánh giá chung: CBNV phòng công nghệ & QA đã hoàn thành các nhiệm vụ và yêu cầu chuyên môn, nhưng cần chủ động, năng động nhiều hơn, cải tiến nhiều mặt trong hỗ trợ tổ chức hoạt động sản xuất, góp phần gia tăng hiệu quả hoạt động của công ty.

4) Hoạt động kỹ thuật cơ điện và bảo trì sửa chữa MMTB:

- **Bảo trì sửa chữa tại các Phân xưởng:** tập trung tại các phân xưởng lớn (kéo sợi và dệt).

PX kéo sợi:

- Sắp xếp, cơ cấu lại hệ thống trộn liệu các máy chỉ.
- Vệ sinh, canh chỉnh đầu khuôn các máy sợi: S1-S4-S5-S7-S8; sửa chữa hệ thống giải nhiệt lưới tự động S4 và S5; phục hồi các lò giải nhiệt dàn kéo lớn S1-S4-S5-S7-S8; đại tu hệ thống giải nhiệt thùng nước S7 và S8; sửa chữa hộp số cao máy S1 và S8.
- Hoàn tất kế hoạch định kỳ : thay nhớt hộp số, bơm mỡ bạc đạn, canh chỉnh hệ thống xích tải các dàn kéo lớn, nhỏ.

PX Dệt:

- Sắp xếp mặt bằng PX4 di dời 06 máy 12 thoi.
- Điều chỉnh máy S5 chuyên sản xuất các mặt hàng vải địa kỹ thuật sang sản xuất các mặt hàng chỉ bao nội địa; thay sứ đỏ vào dàn thêu các máy siêu tốc;
- Đại tu hoàn tất 30 máy dệt 4 thoi; Bảo trì hoàn tất 16/20 máy dệt 06 thoi trong nhà lưới trong kế hoạch, đang tiếp tục thực hiện.
- Thay nhớt hoàn tất các máy dệt theo kế hoạch định lý.

- **Đầu tư thiết bị mới và cải tiến MMTB:**

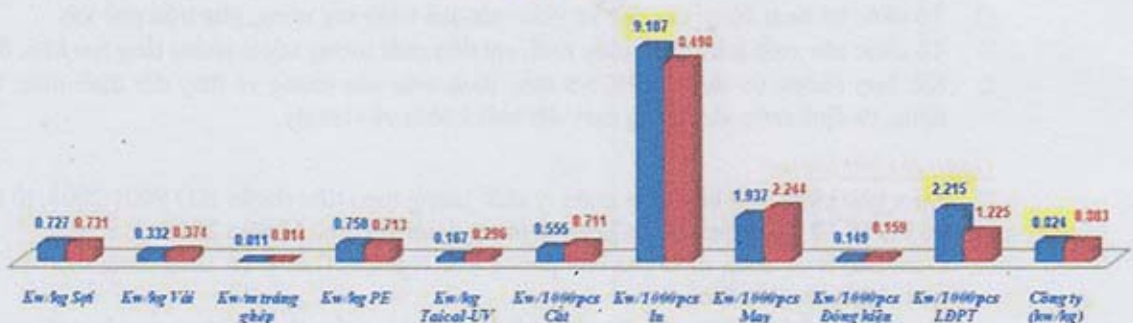
- Lắp đặt hoàn tất 15 máy dệt mới, máy cắt may tự động mới, máy taical, tất cả đều sản xuất ổn định. (Đang đặt hàng nhập khẩu máy in Olger 9 màu).
- Di dời hoàn tất PX trắng/ghép.
- Chế tạo hoàn tất máy ghép màng BOPP, giảm 700 triệu chi phí so với đặt máy bên ngoài.
- Hoàn tất qui trình in cuộn – xếp hông – cắt nguội và may đáy tự động, giảm công đoạn may tay, tăng sản lượng. Hoàn tất định mức lại vật tư kỹ thuật tối thiểu, giảm chi phí tồn kho vật tư.

- **Kiểm soát sử dụng điện năm 2015:**

- Việc sử dụng điện được giám sát kiểm tra chặt chẽ nhằm tiết kiệm, sử dụng hiệu quả năng lượng và phòng tránh các rủi ro tài sản & tai nạn lao động.
- Trong năm 2015, do sử dụng các dàn xấy máy In và lắp đặt & sử dụng thêm hệ thống điện quạt tại khu vực LDPT làm công suất tiêu thụ điện sản xuất tăng nhẹ.

So sánh Công suất tiêu thụ điện 2015/2015

■ B. quân 2015



- **CẢI TIẾN, SÁNG KIẾN:** Những hạng mục thực hiện trong năm 2015, mang lại hiệu quả, đã được BGD công ty công nhận, biểu dương, khen thưởng:

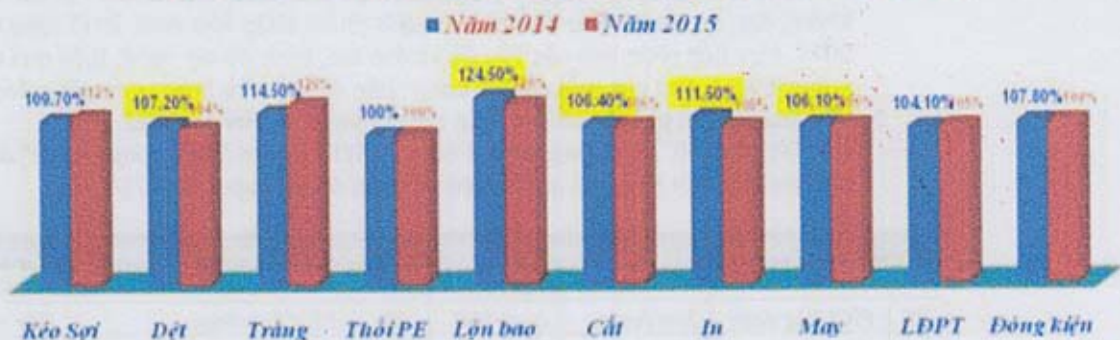
TT	Nội dung- hạng mục	Thuộc PX	Phụ trách thực hiện	Hiệu quả mang lại
1	Tăng tốc độ máy tráng/ghép.	Tráng	PCĐ và PX tráng	Tăng thêm 25% sản lượng.
2	Chế tạo và lắp đặt máy ghép màng.	Tráng	PCĐ và PX tráng	Tiết kiệm chi phí 700 triệu đồng.
3	Cải tiến lắp đặt loadcel dàn quôn cuộn máy ghép 4.	Tráng	PCĐ và PX tráng	Cải tiến chất lượng vải giảm 90% hiện tượng vải xếp li.
4	Cải tiến máy cắt dây quai.	Cắt	PCĐ và PX cắt	Tăng sản lượng thêm hơn 40% so với sản lượng cũ.
5	Cải tiến máy cắt mở miệng bao NPK	Cắt	PCĐ và PX cắt	Triển khai thêm đơn hàng NPK trên cắt may tự động.
6	Cải tiến qui trình in cuộn, xếp hông, cắt nguội tự động.	In, tráng, cắt	PCĐ và các PX	Giảm CN may, tăng sản lượng các PX in, xếp hông, may đáy.

Đánh giá chung: Hoạt động kỹ thuật cơ điện đảm bảo tốt yêu cầu nhiệm vụ sản sàng phục vụ và nâng cao hiệu quả hoạt động của nhà máy sản xuất, CBCNV phòng cơ điện am hiểu MMTB, nhiều kinh nghiệm bảo trì sửa chữa. Năm 2015 đã lắp đặt, cải tiến nhiều MMTB.

5) Hoạt động sản xuất và gia công (may, in, LDPT):

Năng suất nội bộ:

Biểu đồ so sánh năng suất 2015/2014 của các công đoạn

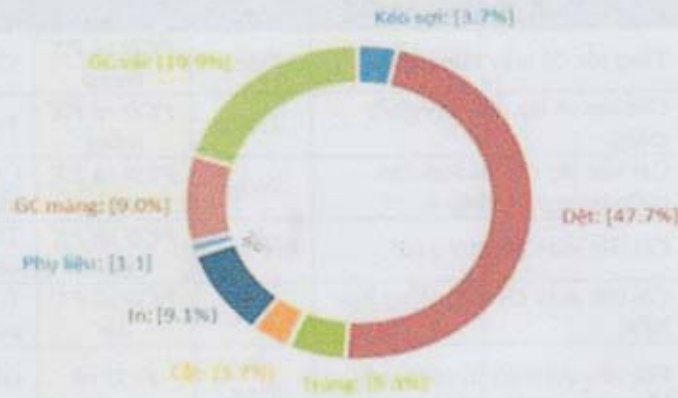


- Năng suất các công đoạn đều đạt và vượt định mức (có nghĩa sản lượng, tiến độ và thu nhập công nhân đều đạt và vượt yêu cầu hoạch định) dù có hơn 30% công nhân mới tuyển trong năm (tổng số giảm gần 50 công nhân so với đầu kỳ đầu năm 2015).
- So với năm 2014, năng suất các công đoạn Dệt, Lộn bao, Cắt, In, May năm 2015 đều tăng, nhưng năng suất các công đoạn Kéo sợi, Tráng ghép là suy giảm đáng kể, cần áp dụng đồng bộ nhiều biện pháp để cải thiện.

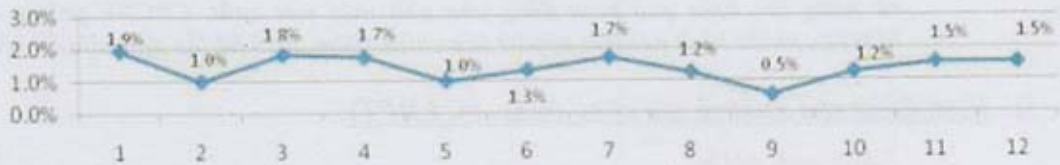
Chất lượng sản phẩm:

- Hệ thống đảm bảo chất lượng đã và đang được duy trì, nhìn chung là đáp ứng được yêu cầu đảm bảo các thông số kỹ thuật sản phẩm, trong năm 2015 không có trường hợp khách hàng khiếu nại nghiêm trọng, từ chối nhận hàng, trả lại hàng hay phải bồi thường.
- Tuy nhiên, tỷ lệ lần khiếu nại/giao hàng đã tăng cao đáng kể (1,4% so với 1% năm 2014), và phần lớn là những lỗi nhỏ, lặp đi lặp lại, và có thể phòng tránh, vì vậy BGD công ty yêu cầu các bộ phận HCNS, Công nghệ và các Phân xưởng SX tăng cường đào tạo về ý thức đảm bảo chất lượng và hoạt động giám sát kiểm tra chất lượng của các công đoạn nội bộ và hệ thống vệ tinh gia công, đề cao trách nhiệm của từng cán bộ quản lý và từng công nhân.

TẦN SUẤT LỖI CHẤT LƯỢNG CÁC BỘ PHẬN 2015



TỈ LỆ KHIÊU NẠI TỪNG THÁNG



□ Kiểm soát Phế liệu phế phẩm:

- Chỉ tiêu 5,0% và yêu cầu kiểm soát phế liệu phế phẩm đặt ra đối với các công đoạn SX đã không đạt, tỷ lệ phế liệu phế phẩm/thành phẩm nhập kho năm 2015 tăng 0,4% so với năm 2014, trực tiếp phản ánh các vấn đề về đào tạo, trình độ tay nghề, hiệu quả của hệ thống QA, ý thức chất lượng của mỗi cán bộ công nhân (kể cả chất lượng các công đoạn gia công), trực tiếp gây ra lãng phí lớn và làm tăng chi phí sản xuất của công ty.
- Các Bộ phận HCNS, Công nghệ, Phòng KHĐĐ (quản lý gia công), các Phân xưởng SX phải nghiêm túc phối hợp giải quyết hiệu quả vấn đề này ngay từ quý 1/2016.

Nhận định và so sánh sản lượng, phế của các công đoạn giữa 2015 với 2014

		So sánh với 2014				So sánh với 2014	
TT	PX/Công đoạn	Sản lượng	% phế/SL	TT	PX/Công đoạn	Sản lượng	% phế/SL
1	Sợi PP	Tăng	Giảm	13	Thối	Tăng	Giảm
2	Sợi VT	Tăng	Giảm	15	Lộn bao+vận hông	Tăng	Giảm
3	Sợi Lưới	Tăng	Giảm	16	LDPT	Giảm	
4	DỆT VT	Tăng	Tăng	17	May	Tăng	
5	DỆT PP	Tăng	Tăng	18	Đóng kiện	Giảm	
6	DỆT Lưới	Giảm	Tăng	19	Kho (thanh lý)		Tăng
8	Tráng pp	Tăng	Tăng	20	KCS		Giảm
9	Tráng ghép	Tăng	Giảm	21	Gia công Dệt		Giảm
10	Cắt	Tăng	Giảm	22	Gia công dây đai		Tăng
11	In OF	Tăng	Tăng	23	Gia công May		Giảm
12	In OG	Tăng	Tăng	25	Gia công In Màng OPP		Giảm

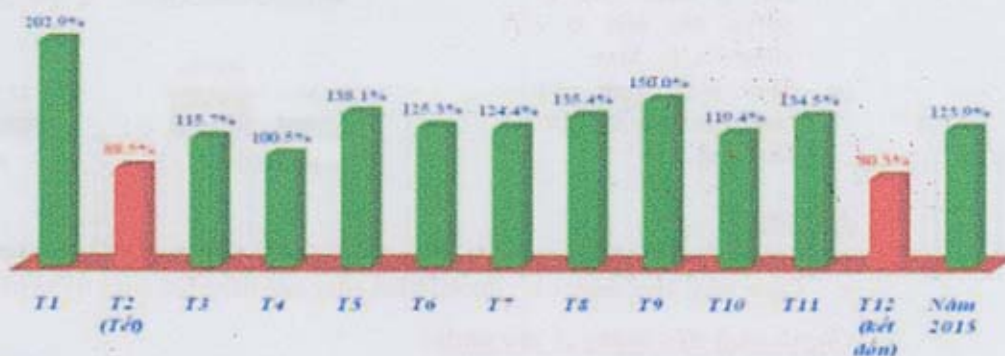
Biểu đồ tỷ lệ phế/thành phẩm nhập kho



Hoạt động gia công may:

- Thực hiện chiến lược gia công, việc xây dựng và duy trì hệ thống gia công đã vượt qua nhiều khó khăn trong quan hệ cạnh tranh và lợi ích giữa công ty với các đối tác.
- Tổ gia công thuộc Phòng KHĐĐ đã thực thi xuất sắc khối lượng gia công lớn, đạt kết quả gia tăng hơn 123% sản lượng may gia công so với năm 2014 (và luôn luôn gia công 1.525.182 bao, in gia công 166.389 bao PP nội địa), góp phần trực tiếp tăng sản lượng thành phẩm xuất khẩu nhóm bao shopping và vượt chỉ tiêu sản lượng & doanh thu năm, đáp ứng được yêu cầu về sản lượng và tiến độ.

So sánh khối lượng Gia công may 2015/2014



Đánh giá chung:

- Phòng KHĐĐSX duy trì sự liên hệ mật thiết giữa bộ phận kinh doanh với kế hoạch sản xuất trong xác định năng lực sản xuất nội bộ và gia công, bảo đảm tiến độ giao hàng trước khi ký kết đơn hàng.
- Chế độ triển khai KHSX tháng và Lệnh sản xuất hàng ngày đến các PXSX được thực thi nghiêm túc, hoạt động điều độ sản xuất nhìn chung là hợp lý theo thứ tự ưu tiên của đơn hàng, cân đối được năng lực sản xuất nội tại với gia công để bảo đảm thời hạn giao hàng, không xảy ra hiện tượng "thất cơ chai" và lãng phí thời gian chuyển đổi đơn hàng, tiết kiệm chi phí điện.
- Tỷ lệ phế của từng khâu & phân xưởng, cả nội bộ và gia công, được theo dõi, giám sát, thống kê và thông tin kịp thời đến các bộ phận và cá nhân hữu quan.
- Từ tháng 10/2015 giao hệ thống kho BTP cho BPSX, BPSX đã Quản lý tốt các kho bán thành phẩm, xử lý tận dụng tốt chi vải tồn kho, theo dõi tiến độ sản xuất của từng đơn hàng và mỗi công đoạn, thông tin kết quả sản lượng và phế hàng ngày đến các bộ phận để dễ điều hành và đánh giá kết quả hoạt động của từng phân xưởng.

Giám đốc Sản xuất gia công, Tổ gia công, phần lớn CBNV Phòng kế hoạch điều độ sản xuất và các CBQL sản xuất tại các phân xưởng đã hoàn thành xuất sắc vai trò chức năng nhiệm vụ và các mục tiêu sản xuất.

- Tuy nhiên, bộ phận sản xuất, trước hết là các CBQL trực tiếp cần khắc phục những hạn chế tồn tại:
- Cần mạnh dạn chủ động thực hiện các giải pháp đã được BGD hướng dẫn
 - Thực thi những biện pháp để phòng tránh các lỗi sản phẩm không đáng có vẫn xảy ra, góp phần đảm bảo chất lượng, giảm lãng phí do phế liệu phế phẩm.
 - Chủ động hướng dẫn, giám sát (và xử lý theo nội quy nếu cần thiết) đối với một số ít công nhân chưa ý thức tốt: không tuân thủ qui định, qui trình sản xuất.

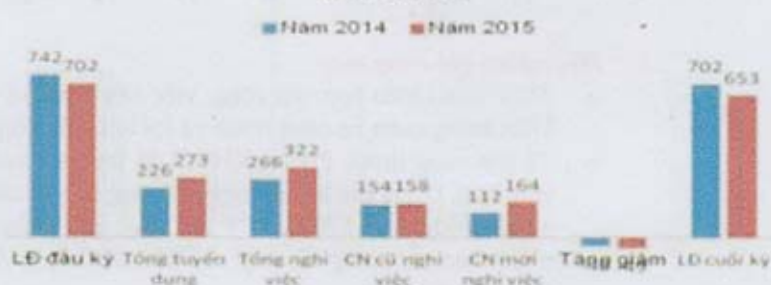
6) Hoạt động quản lý nhân lực và hành chính (HCNS):

Hoạt động Tuyển dụng:

Đạt:

- Công tác tuyển dụng (và điều phối lao động) về cơ bản đã đáp ứng đầy đủ nhu cầu và kịp thời nhân sự cho sản xuất.

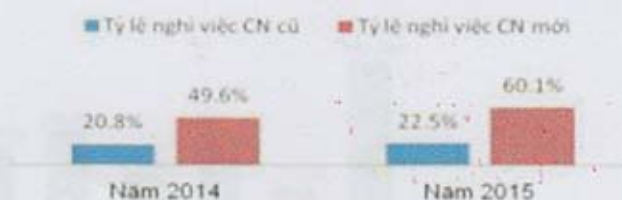
Biểu đồ so sánh tình hình tuyển dụng 2014-2015



Chưa đạt:

- Tỷ lệ nghỉ việc mới còn ở mức cao (> 50%), đặc biệt là ở khâu Cắt, In, May.
- Thời điểm cuối năm chưa bổ sung kịp thời lao động.

Biểu đồ so sánh tỷ lệ nghỉ việc 2014-2015



Đào tạo:

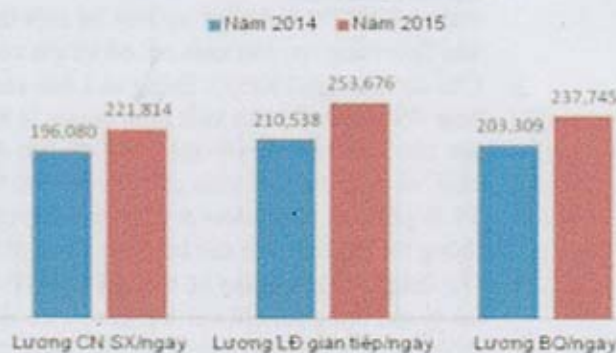
- Các chương trình đào tạo nhân viên và công nhân mới được triển khai đầy đủ và nghiêm túc.
- Chưa triển khai được các chương trình nâng cao năng lực quản trị và năng lực chuyên môn.

Chính sách tiền lương & thu nhập:

Đạt:

- Hoàn tất việc áp dụng tính lương một đơn giá cho tất cả các PX sản xuất.
- Triển khai và giám sát tốt các chính sách chế độ tiền lương và thu nhập, Bảo hiểm XH và BHYT, chế độ khám sức khỏe định kỳ, chế độ tham quan nghỉ mát hàng năm, chế độ khen thưởng thành tích định kỳ và đột xuất, khen thưởng cuối năm.
- Lập tính, chi trả lương và các chế độ phụ cấp & trợ cấp chính xác kịp thời, không có khiếu nại lớn.

Biểu đồ so sánh lương 2014-2015



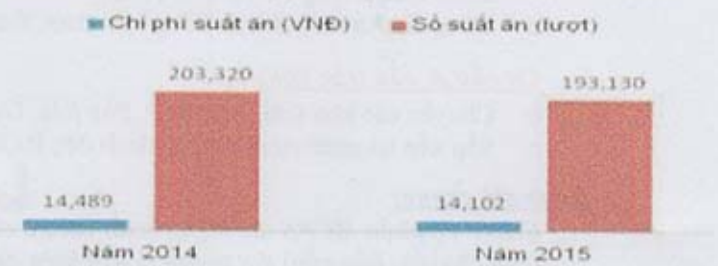
- Mức thu nhập bình quân có xu hướng tăng so với 2014.

□ **Quản lý nhà ăn:**

Đạt:

- Cung cấp suất ăn đảm bảo An toàn vệ sinh thực phẩm, đúng và đầy đủ, không xảy ra lãng phí hay các tiêu cực khác.
- Đạt các quy định yêu cầu của ngành Y tế về Bếp ăn tập thể.

Biểu đồ so sánh quản lý suất ăn 2014-2015



□ **Xử lý Vi phạm nội quy:**

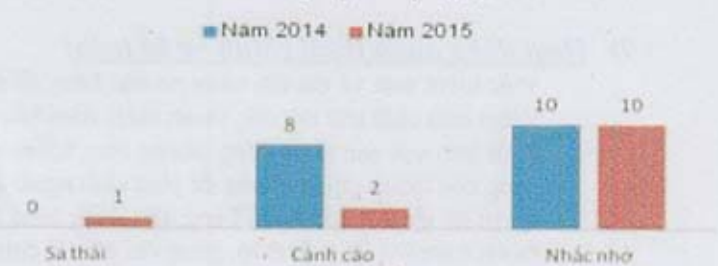
Đạt:

Tổng Vi phạm nội quy, quy trình, quy định năm 2015 có xu hướng giảm nhẹ so với năm 2014.

Chưa đạt:

Xảy ra 01 trường hợp sa thải do lấy cắp đồ công ty.

Biểu đồ So sánh Vi phạm nội quy 2014-2015



□ **Quản lý hành chính:**

Đạt:

- Duy trì giám sát ca đêm có ký nhận giữa tổ bảo vệ và các tổ trưởng, kỹ thuật. Nghiêm khắc nhắc nhở các trường hợp ngủ trong giờ làm việc ở ca đêm.
- Phối hợp cùng với BP Sản xuất, Cơ điện, sắp xếp lại mặt bằng khâu tráng, cắt, BXV, kho vải, kho phế, PX4.
- Quản lý tốt các phương tiện vận chuyển và duy tu tôn tạo mặt bằng, cơ sở hạ tầng, xử lý chất thải.

Biểu đồ So sánh ngày công vắng năm 2014-2015



Chưa đạt:

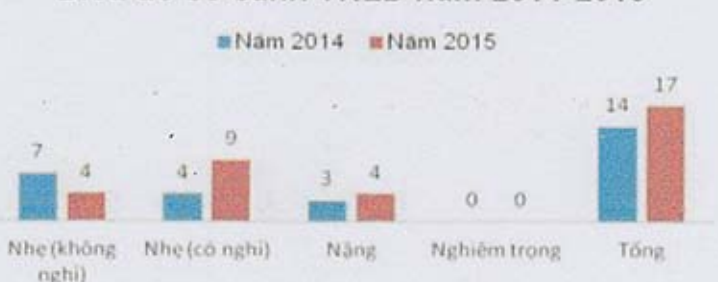
Số ngày công vắng nghỉ trong năm tăng cao so với năm 2014.

□ **An toàn vệ sinh lao động:**

Đạt: Kiểm soát, kiểm tra chặt các báo cáo TNLĐ. Tăng cường nhắc nhở để đảm bảo ATLĐ. Công tác Vệ sinh công nghiệp được duy trì thực hiện, về cơ bản là chấp nhận được

Chưa đạt: Số vụ TNLĐ còn xảy ra nhiều và cao hơn năm 2014.

Biểu đồ so sánh TNLĐ năm 2014-2015



- **Đảm bảo An ninh trật tự:**
 - Thiết lập lại mới hệ thống camera, đèn chiếu sáng để giám sát an ninh. Thiết lập cơ chế tuần tra, kiểm soát, phòng chống mất trộm.
 - Công tác An ninh trật tự trong năm được thực hiện tốt, không xảy ra mất tài sản trong công ty.
- **Cơ cấu & cấu trúc công ty:**
 - Chuyển các kho (chi, Vài, BTP, Phụ liệu, Gia công) về chịu sự quản lý của GD sản xuất.
 - Sắp xếp lại nhân sự nhóm Kỹ thuật dệt, P.Cơ điện, KCS nhằm hợp lý hóa và tinh gọn bộ máy.

Đánh giá chung:

- ***CBNV bộ phận HCNS thể hiện rất tốt vai trò chức năng nhiệm vụ được giao, một số chức năng (vận chuyển, hậu cần) đạt thành tích và hiệu quả cao.***
- Tổng số lao động sản xuất giảm khá nhiều, nhất là giai đoạn quý IV năm 2015 (từ 702 đầu năm giảm còn 653 tại thời điểm cuối năm) nhưng không được dự báo và bổ sung kịp thời, gây khó khăn nhất định cho điều độ sản xuất.

7) Hoạt động quản lý tài chính và kế toán:

- Việc kiểm soát và thu đòi công nợ bán hàng đã được quan tâm thực hiện thường xuyên và liên tục,
- Kiểm soát chặt chẽ thu chi, thanh toán, đảm bảo dòng tiền cân đối ngân sách công ty.
- Phối hợp với các chức năng phòng ban, kiểm soát hàng tồn kho, vật tư phụ tùng, nguyên phụ liệu hàng hóa thành phẩm không để phát sinh ngoài định mức.
- Quan hệ tốt với các ngân hàng, tận dụng khai thác tối đa nguồn ngoại tệ thu về với nguồn vay usd thanh toán với lãi suất thấp, giảm chi phí tài chính, góp phần tăng thu nhập lợi nhuận cho Công ty.

Đánh giá chung:

- ***Phòng TCKT đã hoàn thành tốt các yêu cầu nhiệm vụ trong năm 2015.***
- Cần chủ động phát huy vai trò trung tâm trong hệ thống kiểm soát nội bộ, phát huy khả năng tham mưu của kế toán quản trị đối với bộ máy điều hành, hạn chế tối đa những sai sót số liệu và thời hạn báo cáo.

III. NHỮNG TIẾN BỘ ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC:

- 1) ***Về Marketing:*** bộ phận kinh doanh ngoài phương thức tiếp cận khách hàng vốn có, đã đăng ký tham gia vào mạng "online" của một tập đoàn toàn cầu (*chủ yếu để quảng bá rộng hơn*).
- 2) ***Về cấu trúc:*** chuyển giao hệ thống các kho trung gian (*bán thành phẩm*) cho Giám đốc sản xuất trực tiếp quản lý điều hành.
- 3) ***Về chính sách lao động:*** áp dụng tính lương một đơn giá cho tất cả các PX sản xuất nhằm kích thích năng suất.
- 4) ***Về Máy móc thiết bị:*** đầu tư thêm một số MMTB sản xuất, khuyến khích & áp dụng nhiều sáng kiến cải tiến MMTB của CBCNV mang lại nhiều kết quả rõ nét về tiết kiệm chi phí, tăng năng suất và góp phần đảm bảo chất lượng sản phẩm.

Phần IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2015.

(Đã được kiểm toán bởi Công Ty Kiểm Toán và Tư Vấn A&C- Tất cả Báo cáo tài chính 2015 đã kiểm toán và chứng thư kiểm toán, gồm báo cáo “hợp nhất” và báo cáo của công ty “mẹ”, các báo cáo thuyết minh đều được tải lên và lưu trữ tại website công ty).

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT				
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015				
Đơn vị tính: VND				
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		373,625,828,567	475,159,600,754
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	82,364,036,940	77,305,028,820
1. Tiền	111		34,364,036,940	22,305,028,820
2. Các khoản tương đương tiền	112		48,000,000,000	55,000,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		66,127,777,778	102,200,000,000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	121	V.2	66,127,777,778	102,200,000,000
III. Các khoản phải thu	130		104,945,632,936	269,073,823,974
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	88,682,353,281	101,527,392,739
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1,816,039,000	2,668,818,245
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	5,319,868,370	5,233,377,016
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(3,006,079,722)	(3,015,250,262)
IV. Hàng tồn kho	140		117,276,375,172	172,609,246,882
1. Hàng tồn kho	141	V.7	117,276,375,172	172,609,246,882
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		15,045,457,748	16,630,987,314
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	180,102,398	325,595,926
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		14,031,511,282	14,768,406,019
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	833,844,068	1,536,985,369
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		161,103,845,248	174,937,166,023
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		39,417,717,480	42,249,774,887
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	39,417,717,480	42,249,774,887
<i>Nguyên giá</i>	222		107,897,124,685	102,687,964,453
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(68,479,407,205)	(60,438,189,566)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		164,800,000	164,800,000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(164,800,000)	(164,800,000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		14,728,085,352	19,920,640,549
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	253	V.2b	18,058,831,352	24,400,198,949
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	254	V.2b	(3,330,746,000)	(4,479,558,400)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		106,958,042,416	112,766,750,587
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	106,958,042,416	112,766,750,587
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.10	-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		534,729,673,815	650,096,766,777

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

					Đơn vị tính: VND	
NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm	
C - NỢ PHẢI TRẢ		300		343,492,334,703	343,542,177,727	
I. Nợ ngắn hạn		310		276,667,241,883	250,413,586,252	
1. Phải trả người bán ngắn hạn		311	V.11	22,129,925,930	32,630,338,353	
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		312		4,341,409,278	3,889,501,466	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		313	V.12	3,179,385,824	3,492,920,284	
4. Phải trả người lao động		314	V.13	6,294,845,171	5,645,462,782	
5. Chi phí phải trả ngắn hạn		315	V.14	336,351,951	724,707,714	
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn						
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng						
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn						
9. Phải trả ngắn hạn khác		319	V.15	6,896,554,052	10,192,659,889	
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		320	V.16a,c	165,583,198,100	220,091,651,395	
II. Nợ dài hạn		320		19,418,365,440	66,825,092,820	
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		338	V.16b,c	19,418,365,440	66,825,092,820	
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		306,549,638,069	306,604,432,074	
I. Vốn chủ sở hữu		410		306,604,432,074	316,377,103,456	
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		411	V.17	244,305,960,000	244,305,960,000	
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		411a		244,305,960,000	244,305,960,000	
- Cổ phiếu ưu đãi		411b		-	-	
2. Thặng dư vốn cổ phần		412	V.17	86,242,518,451	86,242,518,451	
3. Vốn khác của chủ sở hữu		413		-	-	
4. Cổ phiếu quỹ		415	V.17	(40,632,476,860)	(40,632,476,860)	
II. Lợi nhuận chưa phân phối		420	V.23	16,633,636,478	16,688,430,483	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước				6,053,952,483	16,688,430,483	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		421		10,579,683,995	-	
III. Nguồn kinh phí và quỹ khác		430		-	-	
1. Nguồn kinh phí		431		-	-	
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		432		-	-	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		534,729,673,815	650,096,766,777	

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**Năm 2015**

					Đơn vị tính: VND	
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL1	707,016,258,476	741,823,616,311		
2. Các khoản giảm trừ	03		-	-		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		707,016,258,476	741,823,616,311		
4. Giá vốn hàng bán	11	VL2	658,109,440,175	692,996,899,516		
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		48,906,818,301	48,826,716,795		
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL3	13,583,301,172	12,544,764,817		
7. Chi phí tài chính	22	VL4	22,409,203,919	14,827,653,243		
Trong đó: chi phí lãi vay	23		6,554,394,895	10,887,015,784		
8. Chi phí bán hàng	24					
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL5	12,433,159,841	14,161,478,382		
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VL6	18,328,694,596	18,862,432,300		
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9,319,061,117	13,519,917,687		
12. Thu nhập khác	31	VL7	4,317,660,901	755,399,850		
13. Chi phí khác	32		216,174,898	1,034,808,789		
14. Lợi nhuận khác	40		4,101,486,003	(279,408,939)		
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13,420,547,120	13,240,508,748		
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.12	2,840,863,125	1,352,958,859		
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	154,085,063		
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10,579,683,995	11,733,464,826		
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		10,579,683,995	11,733,464,826		
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-		
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL8	497	552		

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2015 (Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND				
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		13,420,547,120	13,240,508,748
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10	9,780,514,760	9,397,049,147
- Các khoản dự phòng	03	V.6, 12	483,384,657	(8,035,289,558)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	04	VI.4	503,026,831	1,420,952,317
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, 4, 7, 8	(7,560,757,436)	- 995,792,315
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	6,554,394,895	10,887,015,784
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		23,181,110,827	27,906,028,753
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		59,938,071,841	31,844,034,005
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		55,332,871,710	(1,714,542,310)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(65,975,446,945)	124,562,328,667
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		5,954,201,699	(111,783,368,425)
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.14; VI.4	(6,873,226,476)	(10,922,591,684)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.12	(1,853,877,283)	(3,245,880,089)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		69,703,705,373	56,646,008,917
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	V.9, VII	(403,355,910)	(7,997,343,503)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	V.9, VI.7	1,320,000,000	941,270,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2a	(165,327,777,778)	(172,400,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2a	201,400,000,000	193,700,000,000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	V.2b, VI.3	4,700,000,000	2,712,259,721
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5; VI.3	6,352,987,711	9,203,212,843
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30		48,041,854,023	26,159,399,061
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.16	311,057,582,356	354,090,295,415
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.16	(413,400,757,946)	(360,043,770,729)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10,308,736,000)	(20,662,100,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(112,651,911,590)	(26,615,575,314)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		5,093,647,806	56,189,832,664
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	77,305,028,820	21,014,250,213
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(34,639,686)	100,945,943
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	82,364,036,940	77,305,028,820

Phần V. GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH.

I. KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP:

Đơn vị kiểm toán độc lập: Công Ty Kiểm Toán và Tư Vấn A&C

Chứng thư (báo cáo) kiểm toán



Headquarters: 02 Trưng Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City
Tel: (84.81) 3 5472972 - Fax: (84.81) 3 5472970
Branch in Hà Nội: 40 Giảng Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City
Branch in Nha Trang: 18 Trần Khánh Du St., Nha Trang City
Branch in Cần Thơ: 15-17 Võ Nguyên Giáp St., Cần Thơ City
www.a-c.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng (sau đây gọi tắt là "Công ty") và công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 08 tháng 3 năm 2016, từ trang 05 đến trang 40, bao gồm: bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có có sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.


Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C


Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0099-2013-008-1


Huỳnh Công Duyên - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2609-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2016

II. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT:

- Căn cứ vào luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được quốc hội nước Cộng Hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014.
- Căn cứ vào điều lệ của Công Ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng ngày 22/04/2015.
- Căn cứ chức năng nhiệm vụ của BKS qui định tại điều 33 của điều lệ Công ty CP nhựa Tân Đại Hưng.
- Căn cứ vào tình hình hoạt động và báo cáo tài chính hợp nhất 2015 của Công Ty CP Nhựa Tân Đại Hưng.

Ban Kiểm soát đã tiến hành kiểm tra báo cáo tài chính và công tác quản lý của Hội đồng quản trị (HDQT) và Ban Giám đốc (BGĐ) trong năm 2015. Cụ thể như sau:

I. Các hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2015:

- Kiểm tra quá trình thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015 của HDQT và BGĐ công ty.
- Kiểm tra giám sát việc chấp hành, tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ của Cty, quy chế nội bộ Cty, Nghị quyết, quyết định của HDQT và BGĐ trong việc quản lý và điều hành Cty.
- Giám sát việc thực thi, công bố thông tin của Cty theo các Quy định của luật chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.
- Xem xét các báo cáo sơ kết 6 tháng, Báo cáo tổng kết hoạt động kinh doanh cả năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của số liệu tài chính. Đồng thời phối hợp với kiểm toán độc lập xem xét các yếu tố ảnh hưởng đến báo cáo tài chính.
- Kiểm tra các báo cáo tài chính năm 2015 trước và sau kiểm toán.
- Tham dự các cuộc họp HDQT và BGĐ trong năm 2015, trên cơ sở đó đưa ra ý kiến đánh giá, kiến nghị cho HDQT và BGĐ Cty.

II. Kết quả giám sát đối với các hoạt động của HDQT và BGĐ:

- Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã triển khai thực hiện các nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015. Triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015.
- Hàng tuần/tháng, BGĐ tiến hành họp nhằm rà soát việc thực hiện kế hoạch và có các biện pháp điều chỉnh phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh thực tế tại Cty. Ngoài ra, BGĐ thường xuyên họp bất thường và báo cáo về tình hình sản xuất kinh doanh, đề xuất ý kiến với HDQT.
- Hàng quý, HDQT tiến hành họp để xem xét và đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Đồng thời, HDQT xem xét, cho ý kiến, thông qua các phương án, các giải pháp thực hiện do BGĐ đề ra nhằm tháo gỡ những khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Cty.

Đánh giá chung :

- Việc tiến hành các cuộc họp HDQT và BGĐ định kỳ và bất thường năm 2015 thuộc thẩm quyền của HDQT và BGĐ phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ của Cty. Các biên bản, quyết định, nghị quyết do HDQT và BGĐ được lập đúng theo quy định.
- HDQT và BGĐ Cty đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực thi nhiệm vụ. Ban kiểm soát đã hoàn thành chức năng giám sát của mình.

III. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015:

1) Tình hình thực hiện kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của năm 2015 :

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	%TH/KH
1	Sản lượng bao bì (tấn)	10,000 tấn	11,282 tấn	112,82%
2	Doanh thu bao bì	480 tỷ	578.8 tỷ	120,59%
3	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10 tỷ	10.5 tỷ	105,80%

2) Kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Cty năm 2015:

A. Kết quả kinh doanh 2015:

STT	CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước	Tỷ lệ +/-
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	707,016,258,476	741,823,616,311	-5%
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	707,016,258,476	741,823,616,311	-5%
4.	Giá vốn hàng bán	658,109,440,175	692,996,899,516	-5%
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	48,906,818,301	48,826,716,795	0%
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	13,583,301,172	12,544,764,817	8%
7.	Chi phí tài chính	22,409,203,919	14,827,653,243	51%
8.	Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	-	-	
9.	Chi phí bán hàng	12,433,159,841	14,161,478,382	-12%
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	18,328,694,596	18,862,432,300	-3%
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	9,319,061,117	13,519,917,687	-31%
12.	Thu nhập khác	4,317,660,901	755,399,850	472%
13.	Chi phí khác	216,174,898	1,034,808,789	-79%
14.	Lợi nhuận khác	4,101,486,003	(279,408,939)	1568%
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13,420,547,120	13,240,508,748	1%
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2,840,863,125	1,352,958,859	110%
17.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		154,085,063	-100%
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10,579,683,995	11,733,464,826	-10%
19.	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	10,579,683,995	11,733,464,826	-10%
20.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	497	552	-10%

B. Bảng cân đối kế toán 2015 :

STT	CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm	Tỷ lệ +/-
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	373,625,828,567	475,159,600,754	-21%
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	82,364,036,940	77,305,028,820	7%
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	66,127,777,778	102,200,000,000	-35%
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	92,812,180,929	106,414,337,738	-13%
IV.	Hàng tồn kho	117,276,375,172	172,609,246,882	-32%
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	161,103,845,248	174,937,166,023	-8%
I.	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	
II.	Tài sản cố định	39,417,717,480	42,249,774,887	-7%
III.	Bất động sản đầu tư	-	-	
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	-	-	
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	14,728,085,352	19,920,640,549	-26%
VI.	Tài sản dài hạn khác	106,958,042,416	112,766,750,587	-5%
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	534,729,673,815	650,096,766,777	-18%

STT	CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm	Tỷ lệ +/-
C -	NỢ PHẢI TRẢ	228,180,035,746	343,492,334,703	-34%
I.	Nợ ngắn hạn	208,761,670,306	276,667,241,883	-25%
II.	Nợ dài hạn	19,418,365,440	66,825,092,820	-71%
D -	VỐN CHỦ SỞ HỮU	306,549,638,069	306,604,432,074	0%
I.	Vốn chủ sở hữu	306,549,638,069	306,604,432,074	0%
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-	
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	534,729,673,815	650,096,766,777	-18%

Đánh giá kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Cty năm 2015 :

- Các chỉ tiêu thực hiện về sản lượng bao bì, doanh thu bao bì và Tổng lợi nhuận toàn Cty đều vượt.
- Về báo cáo tài chính năm 2015 của công ty : Đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán A&C. Báo cáo này phản ánh trung thực, hợp lý, đầy đủ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của công ty. Báo cáo được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan .
- Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế, các khoản chi phí, khoản trích dự phòng, được ghi nhận đúng theo các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành.
- Ban kiểm soát đã thẩm tra báo cáo tài chính, qua đó đồng ý với các đánh giá hoạt động tài chính của công ty đã nêu trong báo cáo kiểm toán.

IV. Thủ lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát:

- Công ty đã thực hiện việc trả thù lao cho Ban kiểm soát theo mức chi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 thông qua.

V. Kiến nghị của Ban Kiểm soát :

- Trong bối cảnh thị trường kinh doanh của Cty hiện nay, Cty cần tập trung chọn lựa các khách hàng lớn, có năng lực tài chính tốt.
- Tuyển dụng và đào tạo nguồn nhân lực có năng lực và trình độ để chuẩn bị cho vấn đề Việt Nam gia nhập TPP.
- Về tài chính, BGD tập trung lập kế hoạch và điều tiết nguồn vốn hiệu quả.

VI. Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2016:

- BKS sẽ tiếp tục bám sát các chỉ tiêu trong Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 thông qua, để có kế hoạch kiểm tra việc thực hiện theo quy định.
- Kiểm tra tính hợp lý và hợp pháp trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Cty.
- Tổ chức xem xét và kiểm tra các báo cáo tài chính quý, 06 tháng và cả năm của công ty.
- Tham gia các cuộc họp của HĐQT và BGD để nắm bắt và đánh giá chính xác hoạt động SXKD của Cty.
- Kiểm tra việc thực hiện công bố thông tin đến các cổ đông và nhà đầu tư.
- Thực hiện các công tác khác theo quy định.

**TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



LÂM NGUYỄN QUỐC NGHĨA

Phần VI. CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN QUAN.

I. Tổ chức, Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng: Không có.

II. Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng nắm giữ:
 Công ty CP nhựa Tân Đại Hưng đang sở hữu 100% vốn điều lệ 45 tỷ đồng của “Công ty TNHH TĐH”, GCNĐKKD số: 5002000837 do Sở KHĐT Tỉnh Long An cấp ngày 22/05/2006, địa chỉ: Lô C11-C15 Cụm Công Nghiệp Nhựa Đức Hòa, Long An. Đây là nhà máy và kho hàng của Công ty CP nhựa Tân Đại Hưng.

III. Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan:

1) Các dự án đầu tư:

- Công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng đã tham gia góp vốn vào các công ty:
 - o Góp 1,0 tỷ vào vốn hoạt động của Công ty CP Đầu Tư và Xây Dựng Tân Đô.
 - o Góp 10 tỷ (10% vốn) thành lập Công ty CP Đầu tư xây dựng và dịch vụ hạ tầng Á Châu, kinh doanh cảng ICD và kho bãi Tân Cảng Cái Mép và 2 KCN tại tỉnh BRVT.
 - o Các dự án này vẫn trong giai đoạn đầu tư, chưa sinh lợi (và đang gặp khó khăn do tình hình chung của thị trường đầu tư Bất động sản).
 - o Đã thoái vốn tại Công Ty Cổ Phần Thuận Đức 2.100.000đồng
- Trong năm 2015, việc chuyển nhượng sang tên bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất được mua từ năm 2011 của Công ty TNHH Đại Hưng chưa thực hiện được thủ tục chuyển quyền sử dụng đất. Để đảm bảo hoạt động sản xuất liên tục và không có biến động, Cty Cổ Phần Nhựa Tân Đại Hưng đã thuê dài hạn, và sử dụng tài sản này để đảm bảo hạn mức tín dụng tại Ngân hàng Á Châu. Cty TNHH Đại Hưng đã cam kết sẽ nhanh chóng hoàn tất các thủ tục để có thể chuyển nhượng cho Cty Tân Đại Hưng theo đúng quy định của pháp luật.

2) Các khoản đầu tư cổ phiếu và đầu tư khác đến năm báo cáo tài chính 31 tháng 12 năm 2015 được thể hiện như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	S.lượng	Giá trị	S.lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu		7,058,831,352		11,300,198,949
Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu	3	198,949	3	198,949
NHTM cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam	332,847	7,058,632,403	532,847	11,300,000,000
Đầu tư vào đơn vị khác		11,000,000,000		13,100,000,000
Công ty CP đầu tư cơ sở hạ tầng Tân Đô	100,000	1,000,000,000		1,000,000,000
Công ty CP dịch vụ đầu tư hạ tầng Á Châu	-	10,000,000,000		10,000,000,000
Công Ty CP Thuận Đức				2,100,000,000
Cộng		18,058,831,352		24,400,198,949

3) Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

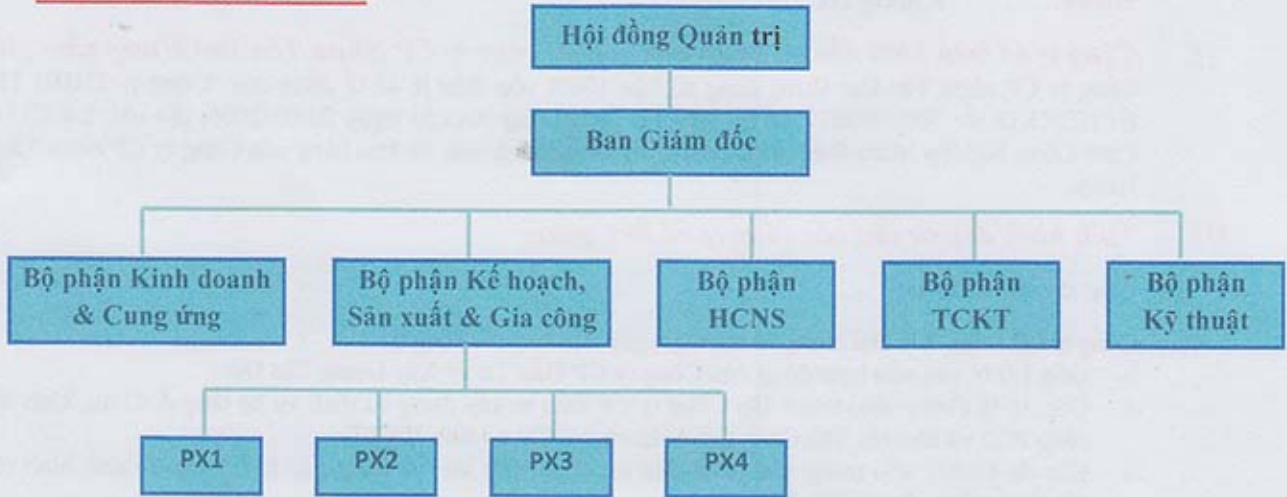
Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

Số đầu năm	-4,479,558,400
Hoàn nhập dự phòng và thanh lý	1,148,812,400
Số cuối năm	-3,330,746,000

4) Trong năm 2015 đã thanh lý một phần Cổ Phiếu EIB, sau khi hoàn nhập dự phòng, lợi nhuận thu được 395,500,008 đồng.

Phần VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ.

I. CƠ CẤU TỔ CHỨC:



II. SỐ LƯỢNG CBNV VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG:

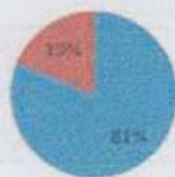
1) Cơ cấu nguồn nhân lực công ty tại thời điểm 31/12/2015 như sau:

Năm	TS Lao động (31/12)			Trình độ							Thời gian làm việc (năm)					
	Cộng	Nam	Nữ	CI	CII	CIII	TC	CD	DH	>DH	<01	1 đến 3	> 3 đến 5	> 5 đến 9	> 10 năm	
2013	742	62.5%	37.5%	7.1%	57.8%	22.8%	11.3%	1.8%	5.8%	0.4%	24.4%	21.7%	15.2%	20.9.1%	17.8%	
2014	702	63.11%	36.89%	7.69%	56.55%	23.36%	3.99%	2.85%	5.8%	0.43%	17.24%	33.05%	13.39%	17.4%	18.9%	
2015	BGD	18	14	4			3		12	3	1	3		2	12	
	QL SX & KTSX	56	45	11		28	20	7		1		2	7	6	13	28
	NV NV & KT	90	57	33	3	17	21	14	17	18		5	24	12	21	28
	CN SX	489	283	206	46	335	106	2				115	155	66	69	84
	Cộng	653	399	254	49	380	147	26	17	31	3	123	189	84	105	152
Tỷ trọng	%	61.1	38.9	7.5	58.2	22.5	4.0	2.6	4.7	0.5	18.8	28.9	12.9	16.1	23.3	

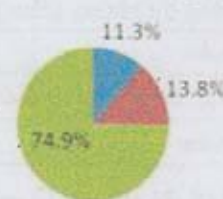
2) Cơ cấu tính chất lao động cuối năm 2015 như sau:

- Cán bộ quản lý điều hành: = 11.3%
- Nhân viên nghiệp vụ kỹ thuật: = 13.8%
- CN trực tiếp sản xuất: = 74.9%

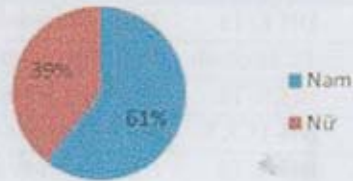
Biểu đồ CCLĐ theo thâm niên 2015



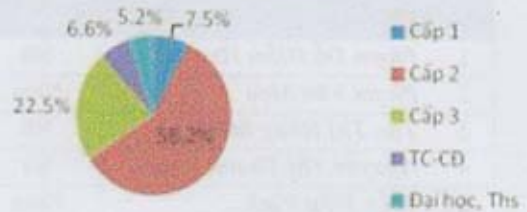
Biểu đồ CCLĐ cơ cấu quản lý 2015



Biểu đồ CCLĐ theo giới tính 2015



Biểu đồ CCLĐ theo trình độ học vấn 2015



3) Chính sách đãi ngộ đối với người lao động:

- Duy trì đầy đủ các chính sách đãi ngộ đối với người lao động (*Lương tháng 13, thưởng thâm niên, thưởng thành tích ABC, tặng quà tại cả dịp lễ tết, trích đóng thay các khoản bảo hiểm "BHXH, BHYT, BHTN" toàn bộ cho người lao động, tổ chức xe đưa rước CB-CNV đi làm việc, tham quan nghỉ mát hàng năm và khám sức khỏe định kỳ...*)
- Tổ chức bếp ăn tập thể với diện tích 500m² trong khuôn viên công ty & có 08 nhân viên (Nấu ăn & phục vụ) cung cấp bữa ăn giữa ca miễn phí cho CB-CNV Công ty. Đảm bảo cung cấp suất ăn đầy đủ & đảm bảo An toàn vệ sinh thực phẩm và không xảy ra lãng phí
- Khu lưu trú với 50 phòng (*40 phòng diện tích 60m² /phòng & 10 phòng diện tích 32m² /phòng*) phục vụ chỗ ở miễn phí cho CB-CNV. Với tổng số CB-CNV ở lại khu lưu trú hiện nay là 308 người.
- Công ty cũng triển khai các chính sách khen thưởng sáng kiến cải tiến góp phần cải tiến máy móc thiết bị, quy trình SX nhằm tăng năng suất, sản lượng, chất lượng: Cụ thể mức khen thưởng cho sáng kiến cải tiến năm 2015 là : 43.500.000 đồng (tăng 45% so với năm 2014)
- Thu nhập trực tiếp của CBNV tăng 8% so với 2014 (*Do năng suất lao động tăng*), tiền thưởng cuối năm giảm 1% so với 2014, tổng thu nhập người lao động tăng 7.0% so với 2014.
- Phối hợp với công đoàn thực hiện các chế độ nghỉ mát, ma chay, cưới hỏi, thai sản v.v.... năm 2015 như sau:

STT	Chế độ trợ	Số trường hợp	Số tiền (VND)
1	Tham quan nghỉ mát	//	310.800.000
2	Mừng Quốc tế phụ nữ 8/3	//	49.200.000
3	Mừng ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10	//	48.600.000
4	Mừng ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6	//	48.000.000
5	Ma chay	14	7.000.000
6	Cưới hỏi	16	8.000.000
7	Thai sản	19	5.700.000
8	Khác	1	5.000.000
Tổng cộng		//	482.300.000

- Phối hợp với công đoàn tổ chức các phong trào văn thể mỹ (hội thi bóng đá, karaoke, kéo co, v.v...) chăm lo đời sống tinh thần cho người lao động (*ảnh minh họa đính kèm*)



III. TÓM TẮT LÝ LỊCH BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY:

TT	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Trình độ	Chức danh trong BGD	Ngày bổ nhiệm
1	Phạm Đỗ Diễm Hương	Nữ	1989	ĐH K/Tế	Tổng Giám Đốc	30/05/2013
2	Phạm Văn Mẹo	Nam	1963	TC H/chính	Phó tổng giám đốc	01/06/2013
3	Tôn Thị Hồng Minh	Nữ	1974	ĐH K/Tế	Phó tổng giám đốc	19/10/2013
4	Nguyễn Thị Thanh Loan	Nữ	1962	ĐH TCKT	GD Tài chính	11/08/2007
5	Trần Hữu Vinh	Nam	1977	ĐH K/Tế	GD Sản xuất & Gia công	11/08/2007

IV. THAY ĐỔI NHÂN SỰ TRONG BAN GIÁM ĐỐC: không thay đổi trong năm

V. CHÍNH SÁCH ĐÃ NGỒ ĐỐI VỚI BAN GIÁM ĐỐC:

- 1) Tiền lương và chế độ thu nhập của BGD công ty được thực hiện theo thỏa thuận trực tiếp giữa HĐQT với từng cá nhân khi tuyển dụng và bổ nhiệm, phù hợp với các qui định chung và trách nhiệm được giao, đáp ứng sự cạnh tranh nhân lực cấp trung cao.
- 2) Các thành viên trong BGD đều không vay nợ của công ty và không cho công ty vay, không ký kết các hợp đồng kinh tế với công ty.

VI. SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA BGD CÔNG TY:

TT	Họ và tên	Chức danh	TSCP sở hữu	Tỷ lệ /TSCP
1	B. Phạm Đỗ Diễm Hương	Tổng Giám Đốc	896,700	3.67%
2	Cô Tôn Thị Hồng Minh	Phó tổng giám đốc	104,000	0.43%
3	B. Nguyễn Thị Thanh Loan	GDTC& Kế toán trưởng	127,160	0.52%
4	Ó. Phạm Văn Mẹo	Phó tổng giám đốc	35,000	0.14%
5	Ó. Trần Hữu Vinh	GD.SX&GC	7,000	0.03%

VII. GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TPC CỦA BGD TRONG NĂM 2015: Không giao dịch.

Phần VIII. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY.

I. THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN HĐQT VÀ BAN KIỂM SOÁT:

1) Tóm tắt Lý lịch cá nhân của HĐQT và BKS:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TT	Họ và tên	Giới tính	N.sinh	Trình độ	Chức danh	Ngày bổ nhiệm	Ghi chú
1	Bà Phạm Đỗ Diễm Hương	Nữ	1989	ĐH K/Tế	CT HĐQT	30/05/2013	Tổng Giám Đốc
2	Ông Nguyễn Văn Hùng	Nam	1953	ĐH K/Tế	P.CTTT HĐQT	30/05/2013	Th.viên độc lập
3	Ông Phạm Văn Mẹo	Nam	1963	TC H/chính	Phó CTHĐQT	01/06/2013	Phó tổng GD
4	Bà Tôn Thị Hồng Minh	Nữ	1974	ĐH K/Tế	T/v HĐQT	19/10/2013	Phó tổng GD
5	Bà Nguyễn Thị Thanh Loan	Nữ	1962	DHTC KT	T/v HĐQT	06/04/2012	GD Tài Chính
6	Ông Trần Hữu Vinh	Nam	1977	ĐH KTế	T/v HĐQT	06/04/2012	GD SX & GC
7	Ông Huỳnh Thanh Tuấn	Nam	1969	ĐH H.chất	T/v HĐQT	06/04/2012	Th.viên độc lập

BAN KIỂM SOÁT

TT	Họ và tên	Giới tính	N.sinh	Trình độ	Chức danh	Ngày bổ nhiệm	Ghi chú
1	Ông Lâm Nguyễn Quốc Nghĩa	Nam	1976	Cao Học	Trưởng BKS	06/04/2012	
2	Bà Đào Thanh Tuyền	Nữ	1973	Cao Học	Ủy viên BKS	06/04/2012	
3	Bà Nguyễn Thị Hồng Cúc	Nữ	1978	ĐH N.T	Ủy viên BKS	06/04/2012	

2) Những thay đổi nhân sự của HĐQT và BKS trong năm: không thay đổi

3) Thù lao và quyền lợi của thành viên HĐQT và BKS:

- Thù lao, các khoản lợi ích và chi phí cho thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát được thực hiện đúng theo quyết nghị của Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường Niên 2015 là:
 - Hội Đồng Quản Trị: thù lao mỗi quý là 20.000.000 đồng/người, tổng chi phí thù lao cho 07 thành viên HĐQT trong năm 2015 là 560 triệu đồng. Ban Kiểm soát: thù lao mỗi quý là 15.000.000 đồng/người, tổng chi phí thù lao cho 03 thành viên BKS trong năm 2015 là 180 triệu đồng.
 - Tổng thù lao của HĐQT và BKS năm 2015 là 740 triệu đồng.
- Không có giao dịch kinh doanh trực tiếp từ những cá nhân trong HĐQT và BKS với công ty, giao dịch kinh doanh từ tổ chức nơi họ làm việc với công ty được thực hiện minh bạch, đúng pháp luật và hợp đồng kinh tế; không có xung đột lợi ích giữa cá nhân HĐQT và BKS hoặc tổ chức nơi họ làm việc với công ty.

4) Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT và BKS (đến 31/12/2015):

TT	Họ và tên	Chức danh	Số SP sở hữu	Tỷ lệ (%)
HĐQT				
1	B. Phạm Đỗ Diễm Hương	CT.HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	896,700	3.67%
2	Ô. Nguyễn Văn Hùng	Phó CT.HĐQT (thường trực)	26,400	0.11%
3	B. Tôn Thị Hồng Minh	Phó CT.HĐQT & Phó tổng GD.	104,000	0.43%
4	Ô. Phạm Văn Mạo	Phó Tổng giám đốc	35,000	0.14%
5	B. Nguyễn Thị Thanh Loan	GDTC. Kiểm Kế toán trưởng	127,160	0.52%
6	Ô. Huỳnh Thanh Tuấn	Thành Viên HĐQT	120,000	0.49%
7	Ô. Trần Hữu Vinh	GD.SX&GC	7,000	0.03%
BKS				
1	Ô. Lâm Nguyễn Quốc Nghĩa	Trưởng BKS	2,050	0.01%
2	B. Nguyễn Thị Hồng Cúc	Ủy viên BKS	24,000	0.10%
3	B. Đào Thanh Tuyền	Ủy viên BKS	33,600	0.14%

5) Giao dịch của “Cổ đông nội bộ” trong năm 2015: Không có giao dịch.

6) Giao dịch của “Người có liên quan” trong năm 2015: Không có giao dịch.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ BAN KIỂM SOÁT:

1) Tóm lược hoạt động của Hội Đồng Quản Trị trong năm 2015:

- HĐQT đã tổ chức thành công Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường Niên Năm 2015 vào ngày 24/04/2015 đúng các qui định nhà nước, điều lệ công ty và đạt các mục đích yêu cầu đề ra.
- HĐQT đã triển khai nghị quyết ĐHĐCĐ năm, tập trung vào một số hạng mục:
 - Nhận định, dự báo, đánh giá và định hướng hoạt động công ty trong từng quý, tháng.
 - Quyết định một số chủ trương chính sách nội bộ và gia công nhằm thực hiện hiệu quả nghị quyết ĐHĐCĐ và hỗ trợ phát triển và thắt chặt hơn nữa mối quan hệ hợp tác với các đối tác.
 - Hoàn tất chi trả cổ tức năm 2014 theo nghị quyết ĐHĐCĐ.
- Do Công ty TNHH Đại Hưng (bên bán) chưa hoàn tất thủ tục quyền sử dụng đất, vì vậy, công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng (bên mua) phải ký hợp đồng thuê dài hạn và dùng tài sản này để đảm bảo hạn mức tín dụng vay tại NH ACB.
- Quy chế quản trị công ty, qui chế công bố thông tin được HĐQT thực hiện nghiêm túc, tuân thủ đúng chế độ báo cáo đến các cơ quan thẩm quyền. Các thành viên HĐQT và BKS thể hiện đầy đủ chức trách nhiệm vụ đúng theo điều lệ, nắm vững tình hình và giám sát hiệu quả.
- HĐQT đã tham gia các hội thảo, hội nghị do UBCK phối hợp với SGDCK tổ chức các chuyên đề:
 - Thảo luận sửa đổi thông tư 52/2012/TT-BTC, một số điểm mới thông tư 155/2015/TT-BTC, hướng dẫn thông tư 200/2015/TT-BTC và thông tư 202/2015/TT-BTC và các chuyên đề hoạt động khác có liên quan đến Công ty niêm yết.

- o Cũ 01 thành viên HĐQT, tham gia lớp học Quản trị Công ty đại chúng do Trung tâm NCKH và Đầu Tư Chứng Khoán tổ chức vào ngày 20 - 21/08/2015.

2) Tổ chức của Hội Đồng Quản Trị:

- HĐQT công ty không có tiểu ban. Chủ tịch HĐQT điều hành hoạt động của HĐQT đúng theo điều lệ, qui chế, các mục tiêu chương trình đã được ĐHĐCĐ và HĐQT quyết định.
- Các thành viên độc lập trong HĐQT (*cũng như tất cả các thành viên HĐQT và BKS*) đều được chia sẻ đầy đủ kịp thời các thông tin nội bộ; sâu sát nắm vững tình hình; phát huy vai trò tư vấn, tham gia trong hoạch định, quyết định các chủ trương kế hoạch và giám sát các hoạt động của công ty, thể hiện đầy đủ vai trò và trách nhiệm đúng theo điều lệ công ty.

3) Tóm lược hoạt động của Ban Kiểm Soát trong năm 2015:

- Ban kiểm soát hoạt động độc lập do Trưởng BKS điều hành, duy trì đầy đủ chế độ hội họp định kỳ, thực hiện đúng trách nhiệm quyền hạn.
- Quan hệ giữa Ban kiểm soát/kiểm soát viên với HĐQT cũng như với tất cả tổ chức và hoạt động của công ty được thực hiện đúng theo điều lệ và qui chế quản trị. Các thành viên Ban kiểm soát đều được HĐQT mời tham dự (*dự thỉnh*) tất cả các cuộc họp định kỳ của HĐQT để trực tiếp nêu ý kiến và góp ý cho HĐQT trước khi quyết định các chủ trương quyết sách và mục tiêu kế hoạch quý/năm và các kế hoạch dự án của công ty.

4) Kế hoạch để tăng cường hiệu quả quản trị công ty trong thời gian tới:

- HĐQT đồng tâm ủng hộ những cải tiến quản trị điều hành Công ty.
- Phát huy hơn nữa vai trò của Ban kiểm soát trong giám sát tổ chức hoạt động của công ty.
- Tăng cường quan hệ cổ đông đúng theo điều lệ, qui chế công ty và qui định của nhà nước.
- Phát huy những lợi thế, tìm kiếm cơ hội đầu tư trong phạm vi sở trường của công ty.

5) Số lượng thành viên HĐQT, BKS, BGD đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

- HĐQT: Có 6/7 thành viên đã có những chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.
- BKS: Có 3/3 thành viên đã có những chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.
- BGD: Có 4/5 thành viên đã có những chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

III. CÁC DỮ LIỆU THÔNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG:

(Theo CV số 438/2016-TPC/VSD-DK do TTLKCK TPHCM ký ngày 06/04/2016)

1) Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông:

		TS người sở hữu		TS CK sở hữu		TS quyền phân bổ	
		Đã lưu ký	Chưa lưu ký	Đã lưu ký	Chưa lưu ký	Đã lưu ký	Chưa lưu ký
Trong nước	Cá nhân	848	22		11,208,350	6,367,104	11,208,350
	Tổ chức	19	2	1,740,084	1,543,016	1,740,084	1,543,016
	Cổ phiếu quỹ	1	-	3,161,640		3,161,640	-
	Cộng trong nước	868	24	11,268,828	12,751,366	11,268,828	12,751,366
Nước ngoài	Cá nhân	18		394,152		394,152	-
	Tổ chức	3	-	16,250	-	16,250	-
	Cộng nước ngoài	21	-	410,402	-	410,402	-
Tổng cộng	Cá nhân	866	22	6,761,256	11,208,350	6,761,256	11,208,350
	Tổ chức	22	2	1,756,334	1,543,016	1,756,334	1,543,016
	Cổ phiếu quỹ	1	-	3,161,640	-	-	-
	Tổng cộng chung	889	24	11,679,230	12,751,366	8,517,590	12,751,366

2) Các cổ đông lớn của công ty:

TT	Tên cổ đông	Quốc tịch	TSCP sở hữu	% Sở hữu/TSCP
1	Lê Thị Mỹ Hạnh	Việt Nam	3,382,590	13.85%
2	Phạm Trung Cang	Việt Nam	3,223,220	13.19%

3) Tình hình giao dịch liên quan của các “Cổ đông lớn”: không giao dịch

Phần IX. THÔNG TIN KHÁC.

1. NHỮNG HOẠT ĐỘNG TỪ THIỆN:

- Công ty không sử dụng hoạt động từ thiện để quảng cáo hay PR cho công ty.
- Trong năm 2015, đã tham gia:
 - o Các cuộc vận động từ thiện (với mức độ khác nhau): chăm sóc trẻ em nghèo do Hiệp Hội Nhựa Việt Nam tổ chức,
 - o Các cuộc vận động của các địa phương ủng hộ xây dựng nhà tình thương để ủng hộ chăm lo Tết Bính Thân 2015 cho người nghèo,
 - o Hỗ trợ công đoàn Huyện Đức Hòa trao học bổng cho con em CB-CNV gia đình khó khăn nhưng vượt khó (học sinh giỏi 3 năm liền).

2. NHỮNG HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

- Công ty đảm bảo thu gom và tái chế và sử dụng lại 100% phế liệu phế phẩm, không xả nước thải trực tiếp vào môi trường, hệ thống thoát nước sinh hoạt được thu gom chùng vào hệ thống của cụm công nghiệp, tất cả chất thải rắn khác đều được công ty thu gom, tập trung và hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý (kể cả tại khu lưu trữ).
- Kết quả kiểm tra của các cơ quan chức năng tại nhà máy trong năm 2015 đã thừa nhận những hoạt động nêu trên của công ty.

Công Ty Cổ Phần Nhựa Tân Đại Hưng, ngày 12/04/2016

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HĐQT



PHẠM ĐỎ DIỄM HƯƠNG